NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
HOÀNG HOÀ BÌNH - NGUYỄN THỊ LY KHA - LÊ HỮU TỈNH

Tiếng Việt

1

TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

Tiếng Việt 1 - TẬP MỘT

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
HOÀNG HOÀ BÌNH - NGUYỄN THỊ LY KHA - LÊ HỮU TỈNH

Tiếng Việt

(Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT ngày 2/11/2020)

1 TẬP MỘT

HỌC VẦN

(Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh lí)

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

Chào các em yêu quý!

Quyển sách Tiếng Việt 1 này là bạn của các em, sẽ cùng em đến lớp hàng ngày.

Sách giúp em học đọc, học viết và học nghe, nói tiếng Việt. Các câu chuyện, bài thơ, bài văn cùng những tranh ảnh sinh động trong sách còn giúp em làm quen với nhiều bạn nhỏ dễ thương và các nhân vật thân thiện như ong lão nhân hâu, con ong chăm chỉ, con thỏ thông minh,... Qua đó, các em sẽ học được nhiều điều bổ ích.

Mong các em chăm học, chăm làm theo hướng dẫn của sách, của thầy cô và người thân để đọc, viết, nghe, nói tiếng Việt ngày càng tốt hơn và biết thêm nhiều điều hay, làm được nhiều việc tốt.

Các em nhớ giữ sách sạch đẹp và đừng viết, vẽ vào sách nhé!

Các tác giả

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

- CÂU HỎI, BÀI TẬP
- MẪU VÀ VÍ DỤ
- KỂ CHUYỆN

a

ă

â

b

c

d

đ

e

ê

g

h

i

k

l

m

n

o

ô

ơ

p

q

r

s

t

u

ư

v

x

y

Bài Mở đầu

Em là học sinh

Em viết

Em đọc

Đồ dùng học tập

Em làm việc nhóm

Em nói

Em học ở nhà

Đồ dùng học tập

Em trải nghiệm

Bài 1

a c

1. Làm quen

ca

2. Đánh vần

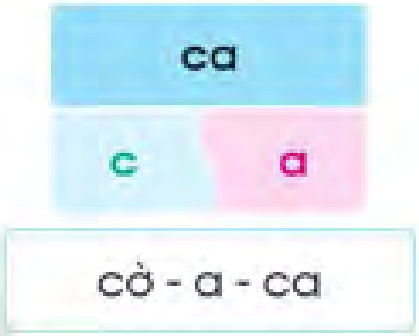

3. Nói to tiếng có âm **a**. Nói thầm tiếng không có âm **a**.

a c

4. Tìm tiếng có âm **c**

5. Tìm chữ **a**, chữ **c**

6. Tập viết

c a ca

A C

Bài 2 cà cá

1. Làm quen

cà

cá

2. Đánh vần

cà	
c	à

cờ - a - ca - huyền - cà

cá	
c	á

cờ - a - ca - sắc - cá

3. Đố em: Tiếng nào có thanh **huyền**?

4. Tiếng nào có thanh **sắc**?

5. Tìm hình ứng với mỗi tiếng

cà　　cá　　ca

6. Tập viết

cà cá

Bài 3 Hai con dê

LA PHÔNG-TEN

1. Nghe kể chuyện
2. Trả lời câu hỏi

Hai con dê muốn làm gì?

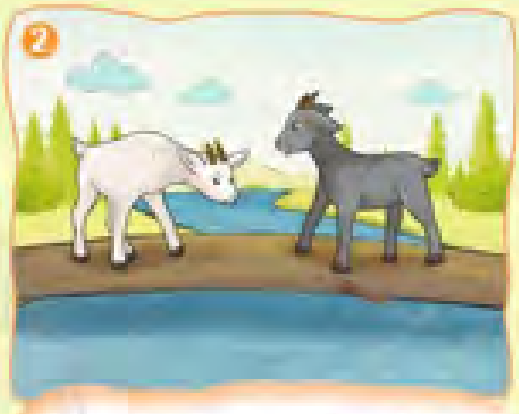

Trên cầu, hai con dê thế nào?

Đến giữa cầu, hai con dê làm gì?

Kết quả ra sao?

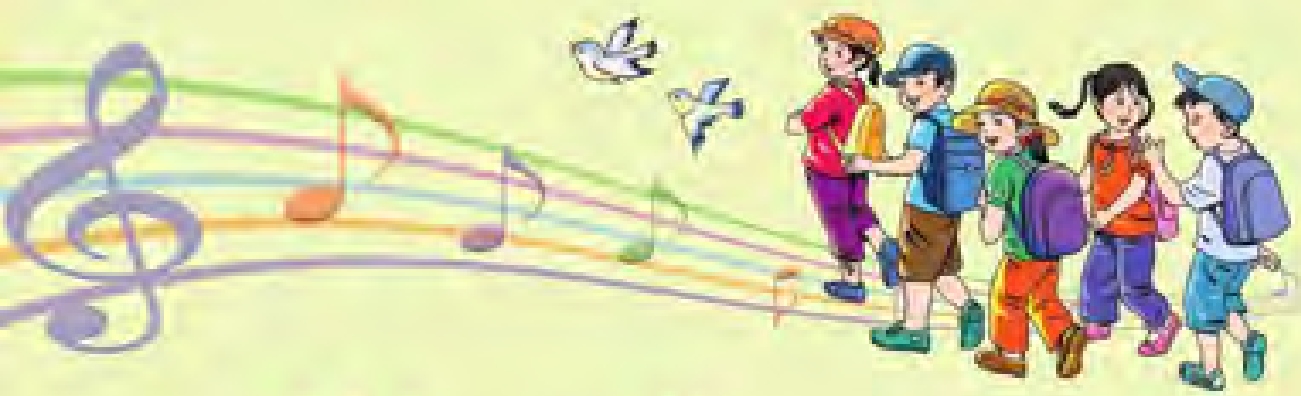

Chúng em là học sinh lớp Một

Nhạc và lời: PHẠM TUYÊN

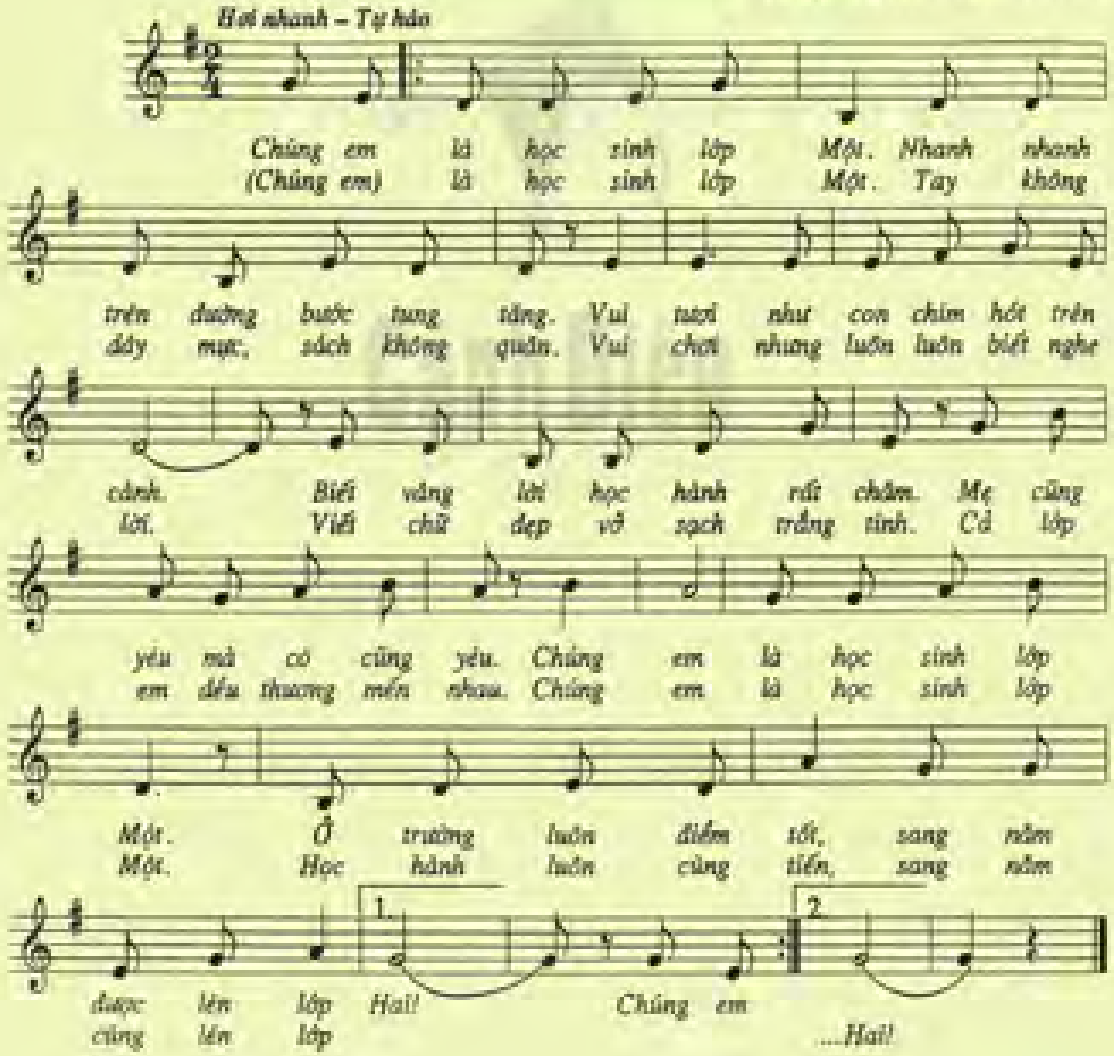

Bài 4 O Ô

1. Làm quen

(kéo) **co**

cô

2. Vừa nói tiếng có âm **o** vừa vỗ tay

o ô

3. Tìm tiếng có âm **ô**

4. Tìm chữ **o**, chữ **ô**

5. Tập viết

o co ô cô

o ô

Bài 5 CỎ CỌ

1. Làm quen

CỎ

CỌ

2. Đố em: Tiếng nào có thanh **hỏi**?

3. Tìm tiếng có thanh **nặng**

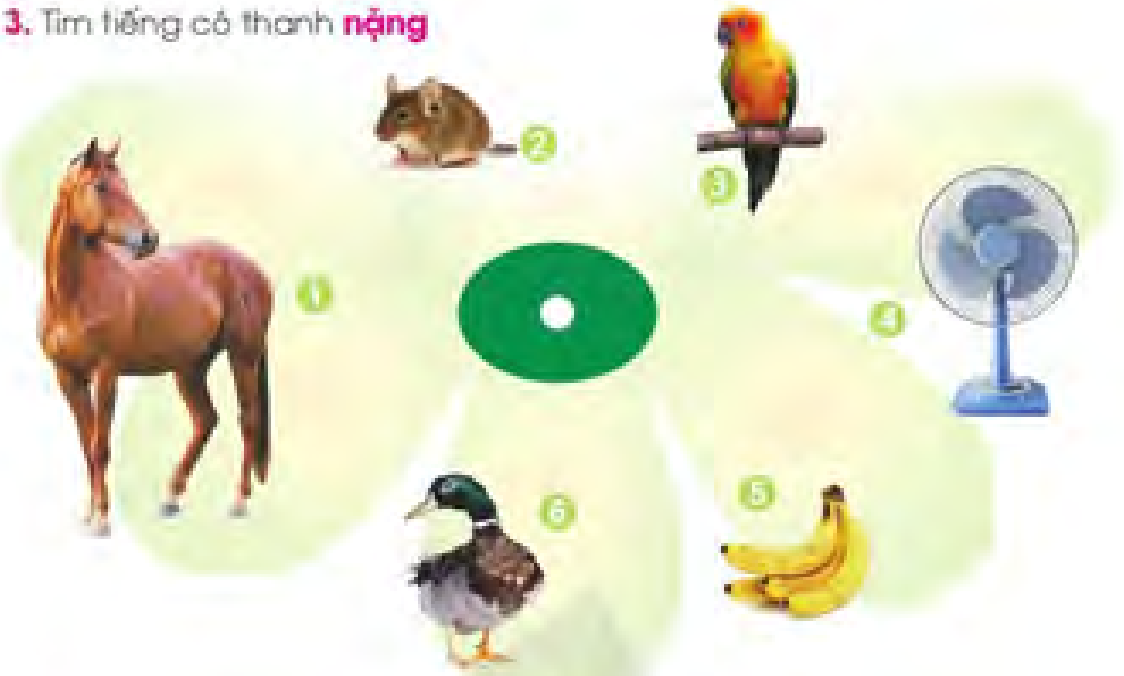

4. Tập đọc

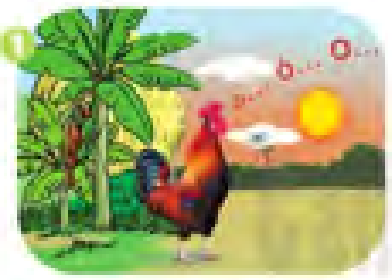

ò... ó... o...

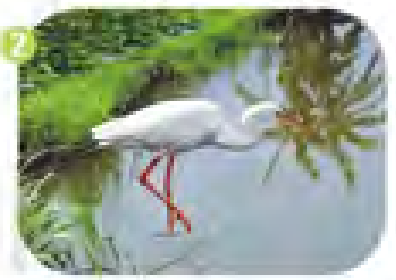

cò

ô

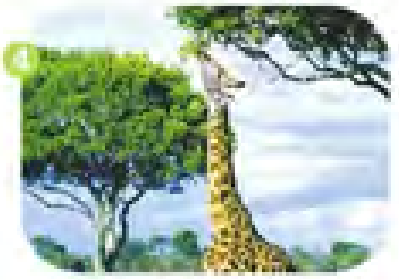

cổ

5. Tập viết

cỏ cọ cổ cộ

Bài 6 ơ d

1. Làm quen

cờ

da

2. Tiếng nào có âm **ơ**?

ơ

o ô ơ d

3. Tìm tiếng có âm **d**

Cánh Diều

4. Tập đọc

cờ

cá cờ

da cá

cổ cò

5. Tập viết

ơ cờ d da

Ơ D

Bài 7 đ e

1. Làm quen

đe

2. Tiếng nào có âm **đ**?

đ

o ô ơ d đ e

3. Tiếng nào có âm ●?

4. Tập đọc

đa

đò

đố

đổ

dẻ

5. Tập viết

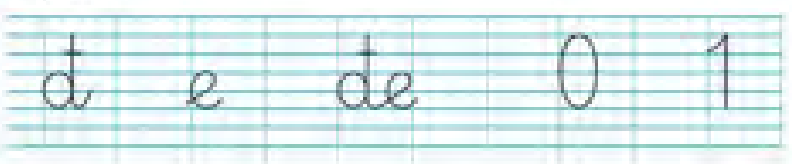

Đ E

Bài 8 Chồn con đi học

HỒNG LÂN

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

1

Vì sao chồn con không tới trường?

2

Vì sao các bạn không ai đi chơi với chồn con?

3

Chồn con bị lạc trong rừng, vì sao?

4

Vì sao chồn con không tìm được đường về?

5

Ai đã đưa chồn con về nhà?

6

Sau chuyện đó, chồn con thay đổi thế nào?

Bài 9 Ôn tập

1. a) Ghép các âm đã học thành tiếng

	a	o	ô	ơ	e
c	ca				
d					
đ					

b) Thêm các thanh đã học vào mỗi tiếng trên để tạo tiếng mới

M ca → cà, cá

2. Tập đọc

cờ đỏ

cố đô

đồ cổ

đa

3. Tìm từ ứng với hình

dẻ đá cọ cờ

o ô ơ d đ e

Bài 10 ê l

1. Làm quen

lê

2. Tiếng nào có âm ê? Tiếng nào có âm l?

ê

l

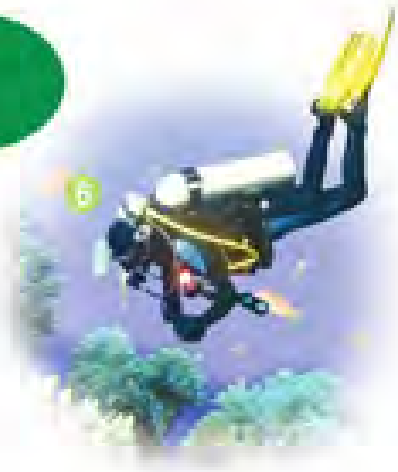

ê l

3. Tập đọc

1

la

2

lá

3

lồ ô

4

le le

5

dế

6

dê

7

đê

8

lọ

9

lê la

Cánh Diều

4. Tập viết

ê l lê

Ê L

Bài 11

b bễ

1. Làm quen

bê

bễ

2. Tiếng nào có âm **b**?

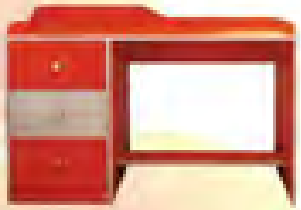

b

ê l b

3. Tiếng nào có thanh **ngã**?

4. Tập đọc

Ở bờ dê

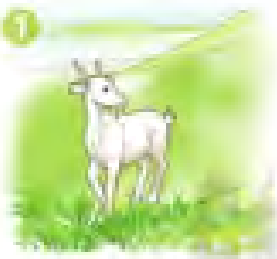

Dê la cà ở bờ đê.

Bờ đê có dế.

Bờ đê có cả bê.

5. Tập viết

b bê bễ 2 3

B

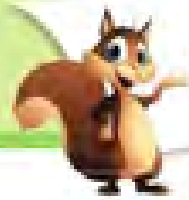

Bài 12 g h

1. Làm quen

ga

hồ

2. Tiếng nào có âm **g**? Tiếng nào có âm **h**?

1

3

g

4

2

h

6

5

ê l b g h

3. Tập đọc

Bé Hà, bé Lê

– Bé Lê ho, bà ạ.

Bà bế bé Lê.

– A, ba!

Ba bế cả Hà, cả bé Lê.

4. Tập viết

g ga h hồ

G H

Bài 13

i ia

1. Làm quen

bi

bia

2. Tiếng nào có âm **i**? Tiếng nào có âm **ia**?

1

2

3

i

ia

4

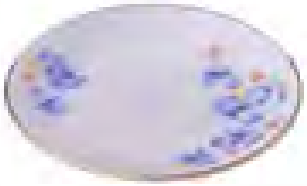

5

6

ê l b g h j ia

3. Tập đọc

Bé Bi, bé Li

Bé Li bi bô:

– Bi, Bi.

– Bé ạ dì.

Bé ạ lia lịa, bé bị ho.

Bi dỗ bé.

4. Tập viết

i bi ia bia 4 5

Bài 14 Hai chú gà con

LÊ THI QUẾ

1. Nghe kể chuyện.

2. Trả lời câu hỏi.

1

Ra vườn kiếm ăn, anh em gà con thấy gì?

2

Đang đói bụng, hai chú gà làm gì?

3

Vì sao hai anh em gà cãi nhau?

4

Khi lại thấy con mồi, anh em gà làm gì?

5

Chuột xuất hiện và nói điều gì?

6

Vì sao hai anh em gà ân hận, xấu hổ?

Bài 15 Ôn tập

1. Ghép các âm đã học thành tiếng

	a	o	ô	ơ	e	ê	i	ia
l	la							
b								
h								
g								

2. Tập đọc

Bể cá

Ba Hà để bể cá ở hè. Bể có cá, có cò, le le. Cò ở bể là cò đá. Le le là le le gỗ.

3. Tìm từ ứng với hình

bí lê hổ gà đĩa

ê l b g h i ia

Bài 16

gh

1. Làm quen

ghế gỗ

2. Tiếng nào có chữ **g**? Tiếng nào có chữ **gh**?

gà gô

ghi

gõ

gỗ

ghẹ

gõ cá

gh

3. Ghi nhớ

gh	e	ghẹ
	ê	ghế
	i	ghi

g	a	gà
	o	gò
	ô	gỗ
	ơ	gờ
	...	...

4. Tập đọc

Ghế

1. Hà có ghế gỗ.

2. Ba Hà có ghế da.

3. Bà hổ có ghế đá.

4. Bà bế bé Lê ở ghế đá.

5. Tập viết

gh ghế gỗ 6 7

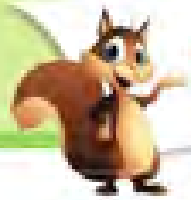

Bài 17

gi k

1. Làm quen

giá đỗ

kì đà

2. Tiếng nào có chữ **gi**? Tiếng nào có chữ **k**?

kể

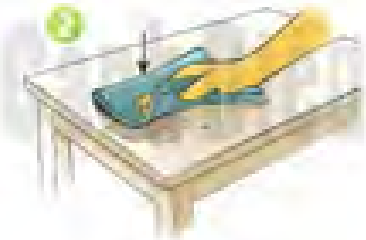

giẻ

kẻ

giò

bờ kè

giỏ cá

gh gi k

3. Ghi nhớ

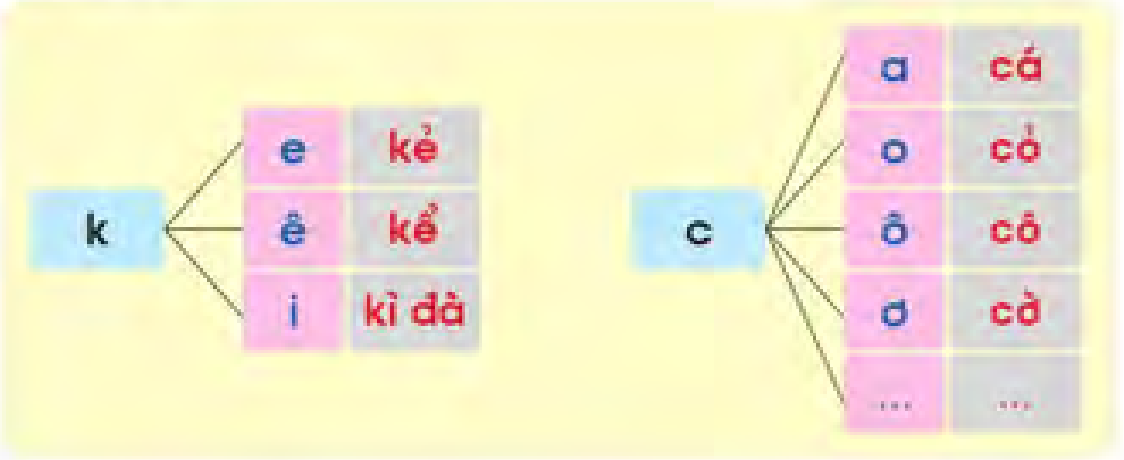

4. Tập đọc

Bé kể

Bà bế bé Lê. Bé bi bô: "Dì... giò...". Đó là bé kể: Dì Kế già giò.

Cỗ có giò, có gà, có cả giá đỗ.

5. Tập viết

gi giá đỗ k kì đà

K

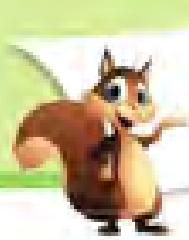

kh m

1. Làm quen

khế

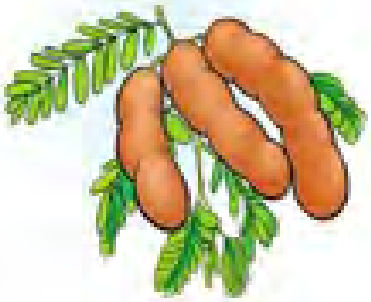

me

2. Tiếng nào có âm **kh**? Tiếng nào có âm **m**?

1

mẹ

2

mỏ

3

khe đá

4

cá kho

5

cá mè

6

khỉ

gh gi k kh m

3. Tập đọc

Đố bé

4. Tập viết

M

n nh

1. Làm quen

nơ

nho

2. Tiếng nào có âm **n**? Tiếng nào có âm **nh**?

1

na

2

nhà

3

nhổ cỏ

4

nhị

5

ca nô

6

nỏ

gh gi k kh m n nh

3. Tập đọc

Nhà cô Nhà

Nhà cô Nhà ở bờ hồ. Hồ nhỏ, nhà nho nhỏ. Hồ có cá mè, ba ba. Nhà có na, nho, khế.

? Nối tiếp

a) Hồ có...

b) Nhà có...

4. Tập viết

n nơ nh nho 8 9

N

Bài 20 Đôi bạn

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

1

Trong rừng có hai bạn rất thân nhau. Đó là ai?

2

Vào đêm nọ, thời tiết trong rừng thế nào?

3

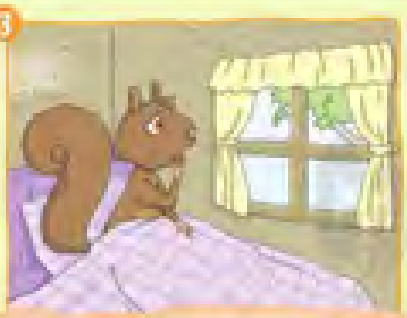

Sáng sớm thức dậy, sóc nâu nghĩ gì, làm gì?

4

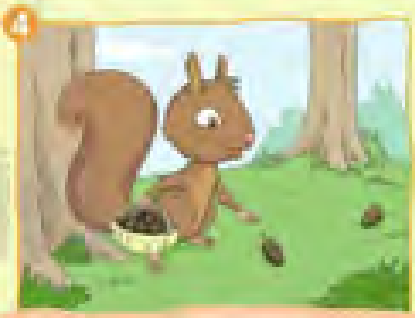

Sóc nâu làm gì khi nhặt được một giỏ quả thông?

5

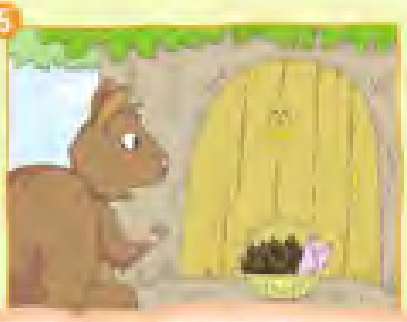

Sóc nâu thấy gì khi trở về nhà?

6

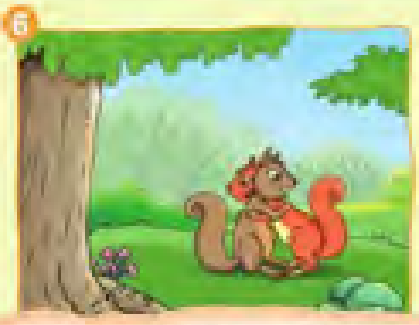

Hai bạn gặp lại nhau thế nào?

Bài 21 Ôn tập

1. Ghép các âm đã học thành tiếng

	a	o	ô	ơ	e	ê	i	ia
c	ca							
k								kia
g								
gh								

2. Tập đọc

Bi ở nhà

Nhà có giỗ. Mẹ nhờ Bi dỗ bé Li.

Bé nhè. Bi bế bé. Bé lơ mơ. Bi đi nhẻ nhẹ. Dỗ bé khó ghê cơ!

3. Em chọn chữ nào?

c ? k g ? gh

Bé ▭ế.

Cò mỏ ▭á.

Nhà có ▭ế ▭ỗ.

gh gi k kh m n nh

ng ngh

1. Làm quen

ngà

nghé

2. Tiếng nào có chữ **ng**? Tiếng nào có chữ **ngh**?

bí ngô

ngõ nhỏ

nghệ

ngã

nhà nghỉ

ng ngh

3. Ghi nhớ

ngh	e	nghe
	ê	nghề
	i	nghi

ng	a	ngà
	o	ngỗ
	...	...

4. Tập đọc

Bi nghỉ hè

Nghỉ hè, Bi ở nhà bà.

Nhà bà có gà, có nghé. Ổ gà be bé. Gà có ngô. Nhà nghé nho nhỏ. Nghé có cỏ, có mía.

? Ghép đúng

a) Nghỉ hè,	1) có gà, có nghé.
b) Nhà bà	2) Bi ở nhà bà.

5. Tập viết

ng ngà ngh nghé

Bài 23

p ph

1. Làm quen

pi a nô

phố cổ

2. Tiếng nào có âm **p**? Tiếng nào có âm **ph**?

1

pa nô

2

phà

3

phở bò

4

phi

5

cà phê

ng ngh p ph

3. Tập đọc

Nhà dì

Nhà dì Nga có pi a nô.

Cả nhà Bi đi phố, ghé nhà dì, nghe pi a nô.

Dì Nga pha cà phê. Bố mẹ có cà phê. Bi có phở. Bé Li có na.

Cánh Diều

Ghép đúng

a) Nhà dì Nga	1) đi phố, ghé nhà dì.
b) Cả nhà Bi	2) có pi a nô.

4. Tập viết

n ni a nô nh nhố cổ

P

Bài 24

qu r

1. Làm quen

quả lê

rổ cá

2. Tiếng nào có âm **qu**? Tiếng nào có âm **r**?

1

cá quả

2

rá

3

quế

4

quạ

5

rễ

6

gà ri

ng ngh p ph qu r

3. Tập đọc

Quà quê

Quế có bà ở quê. Khi bà ra phố, cả nhà có quà.
Quà là rổ khế, rổ mơ, cá rô, cá quả. Có khi là cô gà ri.

? Bà cho nhà Quế quà gì?

4. Tập viết

qu quả lê r rổ cá

Q R

Bài 25 S X

1. Làm quen

sẻ

xe ca

2. Tiếng nào có âm **s**? Tiếng nào có âm **x**?

1

sổ

2

xô

3

si

4

xẻ gỗ

ng ngh p ph qu r s x

3. Tập đọc

Sẻ, quạ

? Ghép hình với chữ

"quạ... quạ..."

"ri... ri..."

4. Tập viết

S X

Bài 26 Kiến và bồ câu

LÉP TÔN-XTÔI

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

Chuyện gì xảy ra khi kiến xuống suối uống nước?

Nhờ đâu kiến thoát chết?

Bác thợ săn làm gì khi nhìn thấy bồ câu?

Kiến đã cứu bồ câu như thế nào?

Bài 27 Ôn tập

1. Tập đọc

Ở nhà bà

Bi có bà ở quê. Nghỉ hè, Bi ở nhà bà.

Xa nhà, Bi nhớ bố mẹ. Giá bà ra phố ở nhà Bi, Bi đã nhớ bà, nhớ bố mẹ.

2. Em chọn chữ nào: **ng** hay **ngh**?

M ngó ..i ..à

3. Tập chép

Ra phố, bé nhớ bà ở quê.

ng ngh p ph qu r s x

Bài 28

t th

1. Làm quen

tổ

thỏ

2. Tiếng nào có âm **t**? Tiếng nào có âm **th**?

1

tô mì

2

thả cá

3

tạ

4

thợ mỏ

5

quả thị

t th

3. Tập đọc

Nhớ bố

Bố Thơ là thợ mỏ. Bố ở xa nhà. Ở nhà có mẹ, có Thơ, có bé Tộ. Cả nhà nhớ bố.

Cánh Diều

Ghép đúng

a) Bố Thơ	1) nhớ bố.
b) Cả nhà	2) ở xa nhà.

4. Tập viết

t tổ th thỏ

T

Bài 29

tr ch

1. Làm quen

tre

chó

2. Tiếng nào có âm **tr**? Tiếng nào có âm **ch**?

1

trà

2

chõ

3

chị

tr

ch

4

trê

5

trĩ

6

chỉ

t th tr ch

3. Tập đọc

Đi nhà trẻ

Chị Trà cho bé Chi đi nhà trẻ. Qua chợ, chị chỉ cho bé cá trê, cá mè,...

Ở nhà trẻ, Chi nhớ mẹ. Chị Trà dỗ: "Bé nhẻ thì cô chê đó.". Bé nghe chị.

Ghép hình với chữ

1

nhớ mẹ

dỗ bé Chi

2

4. Tập viết

tr tre ch chó

Bài 30 u ư

1. Làm quen

tủ

sư tử

2. Tiếng nào có âm **u**? Tiếng nào có âm **ư**?

1

đu đủ

2

cá thu

3

củ từ

4

cú

5

lá thư

6

củ tạ

t th tr ch u ư

3. Tập đọc

Chó xù

Chó xù lù lù đi ra ngõ. Lũ gà ngỡ nó là sư tử, sợ quá.
Sư tử đi qua. Nó ngó chó xù:
– Mi mà là sư tử à?
Chó xù sợ quá:
– Dạ... chỉ là chó xù ạ.

Cánh Diều

? Ý nào đúng?

a) Lũ gà ngỡ chó xù là sư tử.

b) Sư tử ngỡ chó xù là sư tử.

4. Tập viết

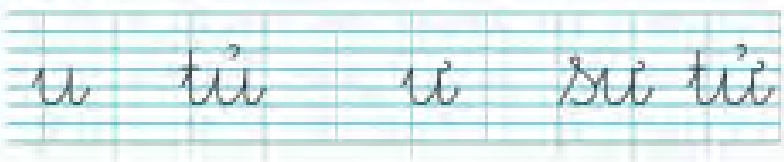

U Ư

ua ưa

1. Làm quen

cua

ngựa

2. Tiếng nào có âm **ua**? Tiếng nào có âm **ưa**?

1

quả dưa

2

rùa

3

quả dừa

4

cà chua

5

đũa

6

sữa

t th tr ch u ư ua ưa

3. Tập đọc

Thỏ thua rùa (1)

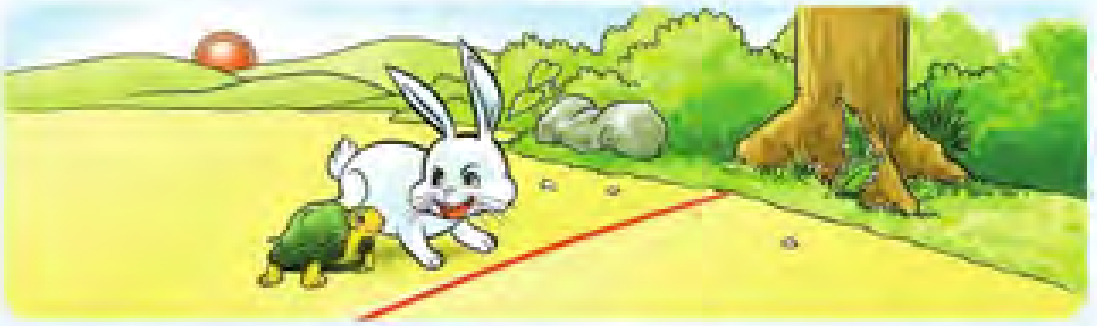

Bữa đó, thỏ ra bờ hồ. Xa xa có chú rùa. Thỏ đùa, rủ rùa thi đi bộ. Rùa chả sợ: "Thi thì thi!".

Thỏ nghĩ: "Cứ để rùa bò. Ta phi như gió. Sợ gì!".

Theo *Truyện ngụ ngôn Ê-dốp*

Ghép đúng

a) Thỏ	1) chả sợ thi.
b) Rùa	2) rủ rùa thi đi bộ.

4. Tập viết

ưa cưa ưa ngựa

Bài 32 Dê con nghe lời mẹ

Truyện cổ Grim

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

Trước khi đi, dê mẹ dặn các con điều gì?

Sói làm gì khi dê mẹ vừa ra khỏi nhà?

Vì sao bảy dê con không mở cửa, đẩng thanh đuổi sói đi?

Thấy vậy, sói làm gì?

Dê mẹ về nhà khen các con thế nào?

Bài 33 Ôn tập

1. Tập đọc

Thỏ thua rùa (2)

Thỏ nghĩ rùa sẽ thua. Nó la cà chỗ nọ, chỗ kia.
Rùa tụ nhủ: "Ta sẽ cố.".
Giữa trưa, rùa đã bỏ xa thỏ. Thỏ thua rùa.

Theo *Truyện ngụ ngôn Ê-dốp*

Sắp xếp các ý theo đúng nội dung truyện

1 Thỏ rủ rùa thi đi bộ.

Thỏ thua rùa.

Thỏ la cà, rùa cố bò.

2. Tập chép

Thỏ la cà chỗ nọ, chỗ kia.

t th tr ch u ư ua ưa

Bài 34

v y

1. Làm quen

ve

y tá

2. Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình

1

2

3

4

5

vẽ

võ

ví

vỏ

y tế xã

v y

3. Tập đọc

Dì Tư

Dì Tư là y tá. Trưa qua, dì ra y tế xã. Khi về, dì ghé nhà Hà. Dì chỉ cho Hà vẽ. Hà vẽ lá, vẽ ve. Hà vẽ cả bé Lê.

? Ghép đúng

a) Dì Tư	1) vẽ lá, vẽ ve, vẽ bé Lê.
b) Hà	2) chỉ cho Hà vẽ.

4. Tập viết

v ve y y tá

V Y

Bài 35 Chữ hoa

1. Tìm chữ hoa trong câu

Dì Tư là y tá.

2. Ghi nhớ

- Chữ đứng đầu tên bài, đứng đầu câu phải viết hoa.
- Tên riêng phải viết hoa.

3. Tập đọc

Chia quà

Má ở thị xã về. Má có quà cho cả nhà. Bà có nho. Ba có trà. Hà có mía. Bé Lê có sữa.

Ơ, quà của má là gì nhỉ?

À, má đã có bé Lê, có Hà là quà quý.

4. Tìm trong bài đọc

- Những chữ hoa đứng đầu tên bài, đứng đầu câu.
- Những chữ hoa ghi tên riêng.

Chữ thường – chữ hoa

Chữ in

a	A	m	M
ă	Ă	n	N
â	Â	o	O
b	B	ô	Ô
c	C	ơ	Ơ
d	D	p	P
đ	Đ	q	Q
e	E	r	R
ê	Ê	s	S
g	G	t	T
h	H	u	U
i	I	ư	Ư
k	K	v	V
l	L	x	X
		y	Y

Chữ viết

a	*A*	m	*M*
ă	*Ă*	n	*N*
â	*Â*	o	*O*
b	*B*	ô	*Ô*
c	*C*	ơ	*Ơ*
d	*D*	p	*P*
đ	*Đ*	q	*Q*
e	*E*	r	*R*
ê	*Ê*	s	*S*
g	*G*	t	*T*
h	*H*	u	*U*
i	*I*	ư	*Ư*
k	*K*	v	*V*
l	*L*	x	*X*
		y	*Y*

am ap

1. Làm quen

quả cam

xe đạp

2. Đánh vần

am	
a	m

a - mờ - am

ap	
a	p

a - pờ - ap

3. Tiếng nào có vần **am**? Tiếng nào có vần **ap**?

1

khám

2

Tháp Rùa

3

quả trám

4

vạm vỡ

5

múa sạp

6

sáp nẻ

v y am ap

4. Tập đọc

Bà Hổ

Bố mẹ cho Giáp và bé Lam đi phố cổ. Cả nhà đi bộ ra Bà Hổ. Gió hổ nhè nhẹ. Bố chỉ cho cả nhà Tháp Rùa ở giữa hồ.

Nói tiếp để hoàn thành câu

a) Cả nhà đi bộ...

b) Bố chỉ cho cả nhà...

5. Tập viết

ăm ăp

1. Làm quen

chăm chỉ

cặp da

2. Tìm tiếng có vần **ăm**, tiếng có vần **ăp**

thắp

bắp ngô

tắm

tắm

nằm

gắp

v y am ap ăm ăp

3. Tập đọc

Chăm bà

Bà bị cảm. Cả nhà lo lắm. Mẹ đi khắp chợ mua lá để chữa cảm. Ở nhà, bố và Thắm pha sữa cho bà. Có cả nhà chăm, bà đã đỡ.

Ghép đúng

a) Mẹ	1) bà đã đỡ.
b) Bố và Thắm	2) đi mua lá để chữa cảm.
c) Có cả nhà chăm,	3) pha sữa cho bà.

4. Tập viết

ăm chăm chỉ ăn cặn da

Bài 38 Chú thỏ thông minh

VŨ TÚ NAM

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

1

Thỏ con đến bờ sông làm gì? Nó thấy cá sấu khi nào?

2

Vì sao thỏ nhìn thấy cá sấu mà vẫn đi xuống mép nước? Cá sấu bất ngờ làm gì?

3

Trước khi nuốt mồi, cá sấu làm gì để dọa thỏ?

4

Thỏ đã nghĩ ra mẹo gì để thoát thân?

5

Nghe lời thỏ, cá sấu đã làm gì?

6

Khi cá sấu kêu, thỏ con làm gì?

Bài 39 Ôn tập

1. Tập đọc

Cô bé chăm chỉ

Bé Chi chăm chỉ lắm. Bé đi khắp nhà. Khi thì bé mở vở của chị, ê a. Khi thì bé đi xe đạp. Khi thì bé khám cho chó Lu. Lu "gù gù" có vẻ thú vị lắm.

2. Tìm trong bài đọc

a) 1 tiếng có vần **am**

b) 1 tiếng có vần **ap**

c) 2 tiếng có vần **ăm**

d) 1 tiếng có vần **ăp**

3. Tập chép

Bé chăm chỉ, đi khắp nhà.

âm âp

1. Làm quen

củ sâm

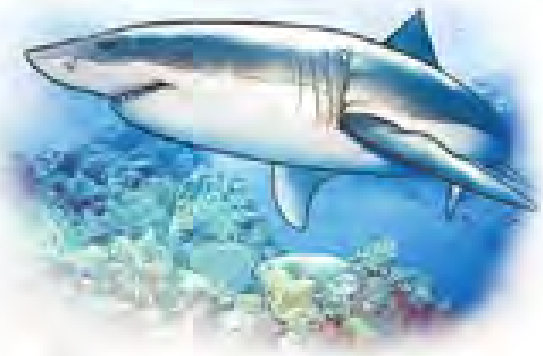

cá mập

2. Tiếng nào có vần **âm**? Tiếng nào có vần **âp**?

nấm

mầm

tập múa

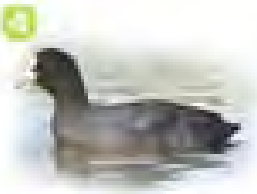

sâm cầm

3. Ghép đúng

a) đẩm	1) nập
b) đập	2) cá
c) tấp	3) lúa

âm âp

4. Tập đọc

Bé Lê

Bé Lê mê ti vi. Ti vi có sâm cầm. Bé chỉ: "Cò... cò...". Ti vi có cá mập. Bé la: "Sợ!". Má bế bé, vỗ về: "Cá mập ở ti vi mà.". Má ấm quá, bé chả sợ nữa.

Những ý nào đúng?

a) Bé Lê chả mê ti vi.

b) Bé Lê sợ cá mập.

c) Có má, bé Lê chả sợ nữa.

5. Tập viết

âm cử sâm ập cá mập

Bài 41 em ep

1. Làm quen

kem

dép

2. Tiếng nào có vần **em**? Tiếng nào có vần **ep**?

1

lễ phép

2

tem thư

3

cá chép

4

xem ti vi

5

rèm

6

ngõ hẹp

âm áp em ep

3. Tập đọc

Thi vẽ

Cá chép và gà nhí thi vẽ.

Cá chép vẽ nó làm vua. Gà nhí vẽ gà mẹ chăm lũ gà em.

Cô cô, chú trấm chấm thi. Họ cho là gà nhí vẽ vừa đẹp vừa có ý nghĩa.

1) Em đoán xem: Ai thắng trong cuộc thi?

?

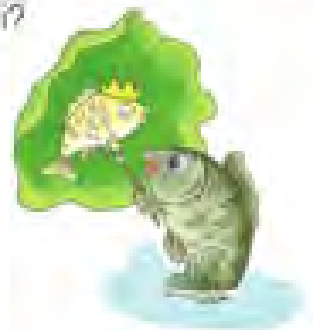

2) Vì sao em nghĩ là bạn đó thắng?

4. Tập viết

em kem en đén

êm êp

1. Làm quen

đêm

bếp lửa

2. Hái quả trên cây, xếp vào hai rổ cho đúng

âm ấp em ep êm êp

3. Tập đọc

Lúa nếp, lúa tẻ

Lúa tẻ cho là nó thua kém lúa nếp vì trẻ em chỉ ưa đồ nếp. Đêm đó, nghe lúa tẻ thổ lộ, lúa nếp đáp:

– Chị nhầm. Lúa tẻ là vua cả năm. Đồ nếp chỉ là bữa phụ.

THU HƯƠNG

? Mỗi món dưới đây làm từ loại gạo nào?

4. Tập viết

ên đêm ên bếp lửa

Bài 43

im ip

1. Làm quen

bìm bịp

2. Tiếng nào có vần **im**? Tiếng nào có vần **ip**?

1

nhím

2

kịp

3

cà tím

4

kìm

5

chim

6

nhíp

âm ăp em ep êm ếp im ip

3. Tập đọc

Sẻ và cò

Sẻ gặp cò ở hồ. Sẻ chê mỏ cò thô. Cò chả đáp gì.

Sẻ rủ cò qua bờ kia. Gặp gió to, sẻ chìm nghỉm. Cò kịp thò mỏ gắp sẻ, đưa sẻ qua hồ.

Từ đó, sẻ chả dám chê cò.

Theo *Truyện cổ Ấn Độ*
(Hoàng Nam kể)

? Sắp xếp các ý theo đúng nội dung truyện

1	Sẻ chê mỏ cò thô.
2	Sẻ rủ cò qua bờ kia.
	Cò kịp thò mỏ gắp sẻ.
	Gặp gió to, sẻ chìm nghỉm.

4. Tập viết

im ip bìm bịp

Bài 44 Ba chú lợn con

Truyện dân gian Pháp

1. Nghe kể chuyện
2. Trả lời câu hỏi

Vì sao ba chú lợn phải làm nhà ở?

Mỗi chú lợn làm nhà bằng gì?

Điều gì xảy ra khi sói đến nhà lợn anh?

Điều gì xảy ra khi sói đến nhà lợn nhỏ?

Vì sao sói không phá được nhà lợn út?

Câu chuyện kết thúc thế nào?

Bài 45 Ôn tập

1. Ghép các âm đã học thành vần. Tìm tiếng có vần đó.

	m	p
a		
á		
ả		

	m	p
e		
ẻ		
i		

2. Tập đọc

Đêm ở quê

Đêm ở quê quả là êm ả.

Ở thị xã, cả đêm ì ầm ô tô, xe lửa. Ở quê chỉ nghe gió thổi, tre ri rầm, dế rỉ rả. Có chú bìm bịp nấp ở đầm cả cú "ịp bịp, ịp bịp".

NGUYỄN HOÀNG

3. Tập chép

Bếp lửa quê nhà ấm áp.

Bài 46 iêm yêm iêp

1. Làm quen

diêm

yếm

tấm thiếp

2. Tiếng nào có vần **iêm**? Tiếng nào có vần **iêp**?

1

dừa xiêm

2

múa kiếm

3

tấm liếp

4

liềm

5

diếp cá

6

kim tiêm

iêm yêm iêp

3. Tập đọc

Gà nhí nằm mơ

Trưa hè, gà nhí nằm mơ bị quạ cắp đi.

Gà nhí sợ quá. Nó "chiêm chiếp" ầm ĩ.

Gà mẹ khe khẽ ru. Mẹ ru êm quá. Gà nhí ngủ thiếp đi.

? Ý nào đúng?

a) Gà nhí bị quạ cắp đi.

b) Gà nhí nằm mơ bị quạ cắp đi.

4. Tập viết

iêm diêm yếm iên thiếp

Bài 47

om op

1. Làm quen

đom đóm

họp tổ

2. Tiếng nào có vần **om**? Tiếng nào có vần **op**?

1

cọp (hổ)

2

khóm tre

3

chỏm mũ

4

lom khom

5

xóm quê

6

gom góp

iêm yêm iêp om op

3. Tập đọc

Lừa và ngựa

Lừa và ngựa đi xa. Lừa còm nhom mà chở lắm đồ quá. Lừa nhờ ngựa chở đỡ. Ngựa chả nghe.

Vì cố quá, lừa ngã ra bờ cỏ.

Thế là bà chủ xếp đồ từ lừa qua ngựa.

Phỏng theo LÉP TÔN-XTÔI (Thành Vân kể)

Nói tiếp

a) Lừa nhờ ngựa chở đỡ đồ, ngựa...

b) Lừa ngã, thế là...

4. Tập viết

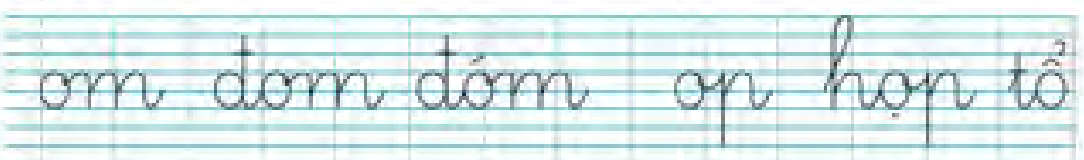

Bài 48

ôm ôp

1. Làm quen

tôm

hộp sữa

2. Tiếng nào có vần **ôm**? Tiếng nào có vần **ôp**?

lốp xe

cốm

đốm lửa

chôm chôm

tốp ca

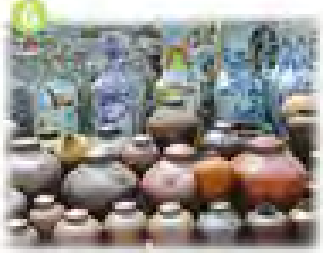

đồ gốm

iêm yêm iêp om op ôm ôp

3. Tập đọc

Chậm... như thỏ

Chó thì mổ mổ
Gà thì liếm la
Dữ như quả na
Nhu mì gã cọp
Cò thì phốp pháp
Bò thì ốm o
Cá thì la to
Im như trẻ nhỏ
Chậm như cô thỏ
Lẹ như cụ rùa...

Phỏng theo *Vè nói ngược*

Cánh Diều

? Em hãy nối lại cho đúng thực tế

M

Chó thì liếm la. Gà thì mổ mổ.	Dữ như... Nhu mì...	Cò thì... Bò thì...
Cá thì... Trẻ nhỏ thì...	Chậm như... Lẹ như...	

4. Tập viết

ôm tôm ôp hộp sữa

ơm ơp

1. Làm quen

cơm

tia chớp

2. Tiếng nào có vần **ơm**? Tiếng nào có vần **ơp**?

1

bơm

2

lớp

3

bờm ngựa

4

đớp cá

5

lợp nhà

6

nơm

iêm yêm iêp om op ôm ôp am ap

3. Tập đọc

Ví dụ

Chị Thơm ra đề: "Cặp của Bi có 3 quả cam...".

Bi đáp:

– Em chả đem cam ra lớp.

– Chị ví dụ mà... Chị tiếp nhé: Bi cho em Bốp 1 quả...

– Chị nhầm ạ. Em Bốp chỉ bú mẹ.

– Thì chị ví dụ mà...

Phỏng theo *Chuyện vui dạy học*

Ghép đúng

a) Chị Thơm	1) cho là chị Thơm nhầm.
b) Bi	2) chỉ đưa ra ví dụ.

4. Tập viết

ơm cơm ơn tia chớp

Bài 50

Vịt và sơn ca

Theo *Truyện ngụ ngôn dành cho bé*

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

1

Thấy sơn ca hót rất hay, vịt làm gì?

2

Vịt học hát như thế nào? Vì sao nó nghĩ mình vô tích sự?

3

Vì sao vịt và các bạn đều lao tới hồ sen?

4

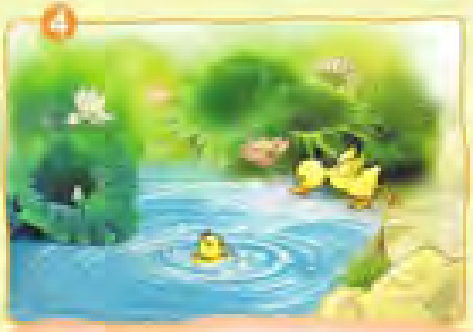

Vịt cứu gà con như thế nào?

5

Các bạn đã làm gì sau khi vịt cứu gà con?

Bài 51 Ôn tập

1. Dã hàng ở mỗi toa tàu vào một thùng hàng thích hợp

2. Tập đọc

Rùa nhí tìm nhà

Rùa nhí đi tìm chỗ ở. Nó vừa bò vừa nam nớp lo gặp thú dữ. Gặp thỏ, rùa lập bập:

– Tớ chưa có nhà.

Thỏ khà khà:

– Rì rà rì rà. Đem nhà đi phố. Rùa nhớ ra chưa?

Rùa ngớ ra:

– Ừ nhỉ.

Phỏng theo THANH MAI (Thành Văn kể)

? Đố em: Nhà rùa đâu?

3. Nghe – viết

Rùa nhí nam nớp lo.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Luyện tập

1. Trò chơi: Hỏi vần đáp tiếng

Ⓜ

âp   op dêm tiếp nấp chấp êm iếp

2. Tập đọc

Họp lớp

Lớp cũ họp ở khóm tre ngả.

Cả lũ kể lể rôm rả. Sẻ kể: Tổ của nó nhỏ mà đẹp lắm. Gà kể: Nó chăm lũ gà nhỏ như nắm rơm. Cua khệ nệ ôm yếm. Nó sắp có lũ cua bé tí bò khắp hồ.

3. Em chọn chữ nào: **g** hay **gh**?

_à

_ắp

_ỉ

4. Tập chép

Lớp cũ họp ở khóm tre.

Đánh giá

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG

Mỗi học sinh đọc một đoạn khoảng 30 tiếng.

Nằm mơ

Mẹ ở thị xã về, mua dép cho bé Chi. Dép đẹp quá. Khi Chi đi, dép cứ "chíp, chíp, chíp, chíp". Quả là thú vị. Chí mê dép lắm.

Hôm đó, từ sớm, Chi đã tìm chị Trà:

– Đêm qua em nằm mơ, dép "chíp, chíp" của em bị chó Lu tha đi. Em nhờ chị tìm. Thế chị đã tìm ra dép cho em chưa?

Chị Trà ngó ra:

– Ơ, đó là em nằm mơ chứ?

– Khi em mơ có chị ở đó. Chị đã hứa tìm dép hộ em mà.

Chị Trà ngó khắp nhà:

– Ồ, dép của em ở gầm ghế kia kìa!

Chi nhòm nhòm gầm ghế, la to:

– Đó, chị đã hứa tìm là chị sẽ tìm ra mà.

Hứa và làm

1 Khỉ đi thăm bà. Khi đi, nó hứa sẽ đem về đủ thứ cỏ lạ quả thơm làm quà cho thỏ và nhím. Thế mà khi về, nó chả nhớ nó đã hứa gì.

2 Về nhà, khỉ chả có thứ quà gì như đã hứa. Nó chả dám gặp thỏ và nhím. Cô gặp thì chỉ nghe thấm thì: "Khỉ hứa mà chả làm.".

3 Trưa đó, khỉ kể cho mẹ nghe. Mẹ nó thủ thỉ:

– Đã hứa thì cố mà làm. Hứa mà chả làm gì thì tệ quá.

Nghe mẹ, khỉ tìm gặp thỏ và nhím. Nó hứa sẽ sửa chữa.

Phỏng theo *Chuyện của mùa hạ*

M

II. ĐỌC HIỂU, VIẾT

(Bài luyện tập)

A ĐỌC

1. Nối từ ngữ với hình

ấm trà

quả mơ

tam ca

cá trắm

cửa chớp

2. Đọc thầm

Cò và quạ

Cò vừa ngủ thì nghe om sòm "chiếp, chiếp", "quạ, quạ". Thì ra quạ sắp chộp gà nhí. Quạ to và dữ. Gà thì bé tí, nép ở khóm tre. Cò vù qua khóm tre. Nó che cho gà, chĩa mỏ về phía quạ. Quạ sợ, bỏ đi.

? Nối đúng

a) Quạ	1) che cho gà, xua quạ đi.
b) Cò	2) sắp chộp gà nhí.

B VIẾT

1. Điền chữ **c** hoặc **k**

■am ■ửa sổ ■im

2. Tập chép

Gà nhí nép ở khóm tre.

um up

1. Làm quen

chum

búp bê

2. Tiếng nào có vần **um**? Tiếng nào có vần **up**?

1

chùm nho

2

cúp

3

tôm hùm

4

giúp đỡ

5

búp chè

6

mũm mĩm

um up

3. Tập đọc

Bà và Hà

Hà nhỏ mà chăm chỉ. Hà giúp bà xếp đồ ở tủ. Hà nhổ đám cỏ um tùm ở ngõ.

Có hôm, Hà giúp bà chữa mũ cho búp bê. Ngắm Hà chăm chú đưa chỉ qua lỗ kim, bà tủm tỉm: "Hà của bà ngộ quá!".

Ghép đúng

a) Hà	1) ngắm Hà, tủm tỉm.
b) Bà	2) chăm chỉ giúp bà.

4. Tập viết

um chum up búp bê

Bài 53

uôm

1. Làm quen

buồm

2. Tiếng nào có vần **uôm**? Tiếng nào có vần **um**?

quả muỗm

sum họp

um tùm

nhuộm

um up uôm

3. Tập đọc

Phố Thợ Nhuộm

Ở Thủ đô có phố Thợ Nhuộm. Bà em kể, xưa kia, phố có nghề nhuộm. Phố tấp nập và đẹp lắm. Bà hứa đưa em đi thăm phố. Bà sẽ kể cho em nghe thêm về nghề nhuộm.

Ghép đúng

a) Ở Thủ đô	1) tấp nập và đẹp lắm.
b) Phố	2) có phố Thợ Nhuộm.

4. Tập viết

uôm buồm quả muỗm

Bài 54 ươm ươp

1. Làm quen

bươm bướm

quả mướp

2. Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng

um up uôm ươm ươp

3. Tập đọc

Ủ ấm cho bà

Gió mùa về. Mẹ mua cho bà tấm nệm ấm, vì tấm nệm cũ có chỗ đã tướp ra.

Đêm đó, Mi nằm ôm bà ngủ. Bà thì thầm: "Bé Mi của bà ấm quá! Ấm như bếp lửa đỏ đượm.".

Theo MAI THI MINH HUỆ

? Ghép đúng

a) Mẹ	1) ôm bà ngủ để ủ ấm cho bà.
b) Mi	2) mua cho bà tấm nệm ấm.

4. Tập viết

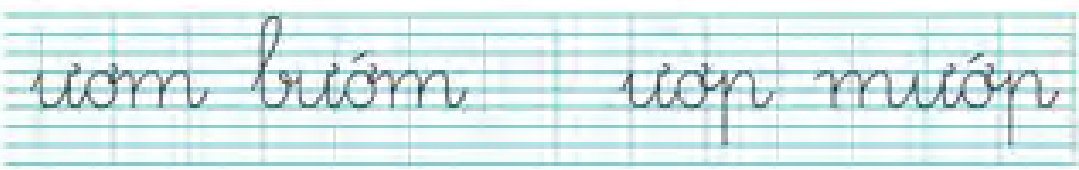

an at

1. Làm quen

bàn

nhà hát

2. Tiếng nào có vần **an**? Tiếng nào có vần **at**?

nhãn

thợ hàn

bát

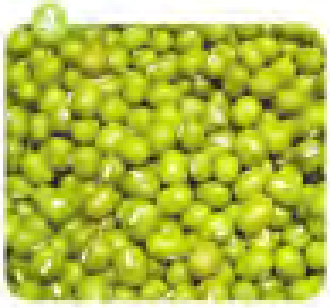

hạt đỗ

màn

ngan

um up uôm ươm ươp an at

3. Tập đọc

Giàn mướp

Giàn mướp nhà Hà vừa ra nụ đã thơm ngát. Lắm hôm, Hà vừa đếm nụ vừa khe khẽ hát cho giàn mướp nghe. Có cả đàn bướm về tụ họp. Có lẽ nhờ thế mà mùa hè năm đó, giàn mướp sớm ra quả.

? Những ý nào đúng?

a) Giàn mướp thơm ngát.

b) Hà khẽ hát cho giàn mướp nghe.

c) Năm đó, giàn mướp chậm ra quả.

4. Tập viết

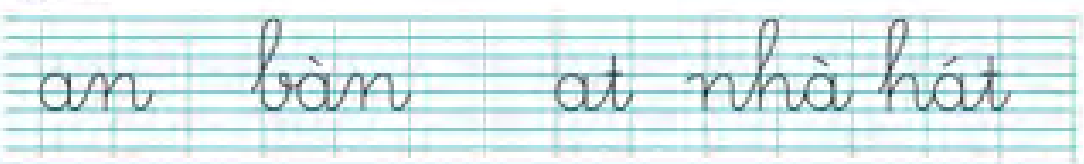

Bài 56

Sói và sóc

LÉP TÔN-XTÔI

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

Điều gì xảy ra khi sóc đang chuyền trên cành cây?

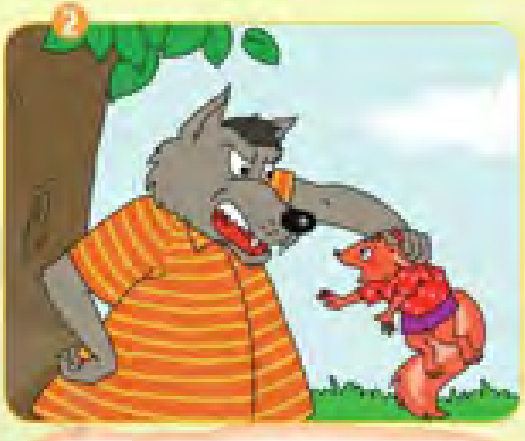

Sói định làm gì sóc? Sóc van nài thế nào?

Sói hỏi sóc điều gì? Sóc nói gì?

Ở trên cây, sóc trả lời sói thế nào?

Bài 57 Ôn tập

1. Tập đọc

Tóm cổ kẻ trộm

Quạ ghé xóm gà. Gà mơ ngả ngợ: "Quạ la cà làm gì?".

Sớm ra, gà tía la om sòm: "Có trộm!". Gà mơ than: "Có kẻ đã tha gà nhí đi.".

Vừa khi đó, thám tử gà cồ tóm cổ quạ. Cả xóm ùa ra, quạ sợ quá.

Phỏng theo PHONG THU

? Nhắc lại tên các con vật trong truyện

M Gà cồ

2. Tìm từ ngữ phù hợp với ô trống, rồi chép lại câu b:

a) Quạ kiếm cớ la cà để ■ gà nhí.

b) Thám tử gà cồ ■ ■ quạ.

Bài 58

ăn ăt

1. Làm quen

chăn

mắt

2. Tiếng nào có vần **ăn**? Tiếng nào có vần **ăt**?

1

chim cắt

2

củ sắn (củ mì)

3

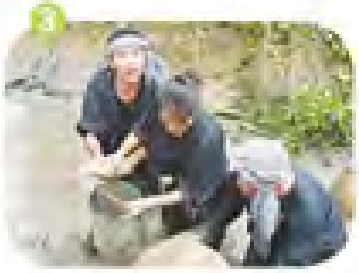

bắt cá

4

khăn mặt

5

thợ lặn

6

trăn

ăn ăt

3. Tập đọc

Ở nhà Hà

Nhà Hà có bà và ba má. À, có cả Hà và bé Lê nữa chứ.

6 giờ, Hà giúp má sắp cơm. Ba cho gà ăn. Bà rửa mặt cho bé Lê. Kế đó, cả nhà ăn cơm. 7 giờ, ba má dắt xe đi làm. Hà ra lớp. Bà đưa bé Lê đi nhà trẻ.

? Tìm từ ngữ phù hợp với ô trống

	6 giờ	7 giờ
M Má	sắp cơm	dắt xe đi làm
Hà	giúp má ■■	ra lớp
Ba	cho gà ăn	■■ đi làm
■	rửa mặt cho bé Lê	■ bé đi nhà trẻ

4. Tập viết

ăm chăm ăt mắt

Bài 59

ân ât

1. Làm quen

cân

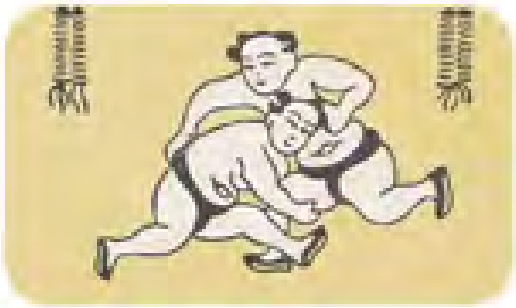

vật

2. Sút bóng vào hai khung thành cho trúng

ăn ăt ân ât

3. Tập đọc

Chủ nhật

Chủ nhật, bố mẹ Bi ở nhà. Mẹ làm phở bò. Bố giặt giũ. Bi cho gà ăn. Bé Li rửa mặt, rửa chân cho búp bê.

Cả nhà ăn phở. Mẹ ăn chậm nhất vì vừa ăn vừa cho bé Li ăn.

Bi phụ bố rửa bát. Mẹ thì xem vở của Bi, gật gù: "Bi khá lắm!".

Ghép đúng

a) Bi	1) rửa mặt, rửa chân cho búp bê.
b) Bé Li	2) cho gà ăn, phụ bố rửa bát.
	3) gật gù: "Bi khá lắm!".

4. Tập viết

ân cân ât vật

en et

1. Làm quen

xe ben

vẹt

2. Xếp trứng vào hai rổ cho đúng

khen rèn đèn quét hét mẹt

ăn ăt ân ât en et

3. Tập đọc

Phố Lò Rèn

Nhà Bi ở phố Lò Rèn. Xưa kia cả phố làm nghề rèn. Giờ chỉ có dăm nhà giữ nghề cũ.

Giữa phố xá nhà cửa san sát mà lò rèn đỏ lửa như ở chợ quê. Búa đập chan chát. Bễ thổi phì phò. Lửa than khét lẹt.

Ý nào đúng?

a) Giờ thì cả phố làm nghề rèn.

b) Lò rèn ở phố đỏ lửa như ở chợ quê.

4. Tập viết

em xe ben et vẹt

ên êt

1. Làm quen

tên lửa

tết

2. Tìm tiếng có vần **ên**, tiếng có vần **ết**

nến

bến xe

tết nơ

nhện

bố kết

sên

rết

ăn ăt ân ât en et ên êt

3. Tập đọc

Về quê ăn Tết

Nhà Bi về quê ăn Tết. Xe về bến chậm. Mẹ phàn nàn: "Chậm như sên!".

Đêm 30, cả nhà làm lễ bên bàn thờ. Bố lẩm rẩm khấn. Bà chấm chấm khăn lên mắt. Cả năm bà đã chờ nhà Bi về sum họp bên mâm cơm Tết.

Nói tiếp

a) Nhà Bi về quê...

b) Đêm 30, cả nhà Bi...

4. Tập viết

ên tên lửa êt tết

Bài 62 Sư tử và chuột nhắt

Ngụ ngôn Ê-dốp

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

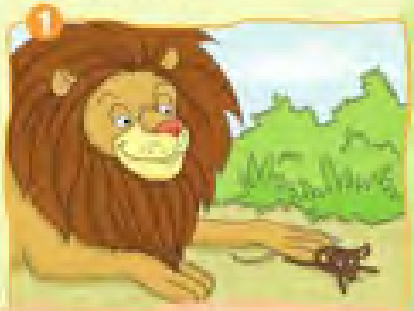

Sư tử đi kiếm mồi, tóm được con vật gì?

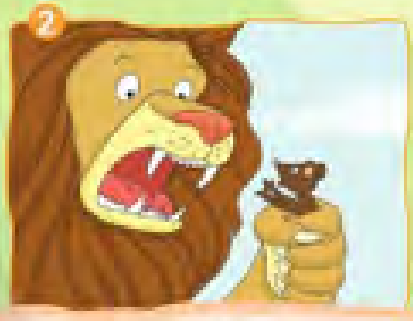

Khi sư tử định ăn thịt chuột nhắt, chuột nói gì?

Khi được sư tử tha, chuột nhắt hứa hẹn thế nào?

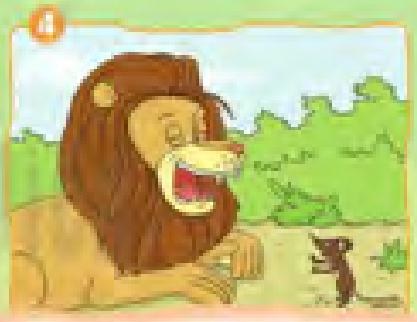

Nghe chuột nhắt hứa hẹn, sư tử phì cười và nói gì?

Khi sư tử bị sa lưới, chuột nhắt làm gì để cứu sư tử?

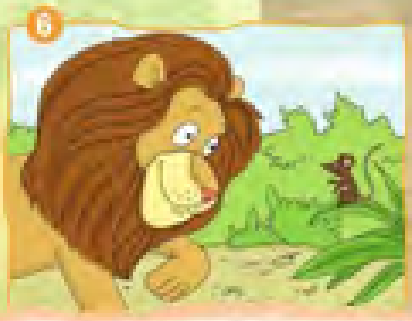

Chuột nhắt nói gì khi sư tử cảm ơn nó?

Bài 63 Ôn tập

1. Tập đọc

Kết bạn

Chủ nhật, bố mẹ đưa Vân về quê thăm bà. Gần nhà bà có bạn Tâm. Vân và Tâm kết bạn. Bà dẫn Vân và Tâm đi xem gặt lúa. Vân kể cho Tâm nghe về phố xá tấp nập.

Nối tiếp để hoàn thành câu

a) Chủ nhật, bố mẹ đưa Vân...

b) Bà dẫn Vân và Tâm...

2. Nghe – viết

Vân và Tâm kết bạn.

in it

1. Làm quen

đèn pin

quả mít

2. Hái quả trên cây, xếp vào hai rổ cho đúng

in it

3. Tập đọc

Hồ sen

Gần nhà Ngân có hồ sen đẹp lắm. Từ cửa sổ, Ngân có thể nhìn rõ mặt hồ. Mùa hè đến, sen ra búp. Chỉ ít hôm, sen đã nở kín hồ. Khi gió về, nhà Ngân thơm ngát.

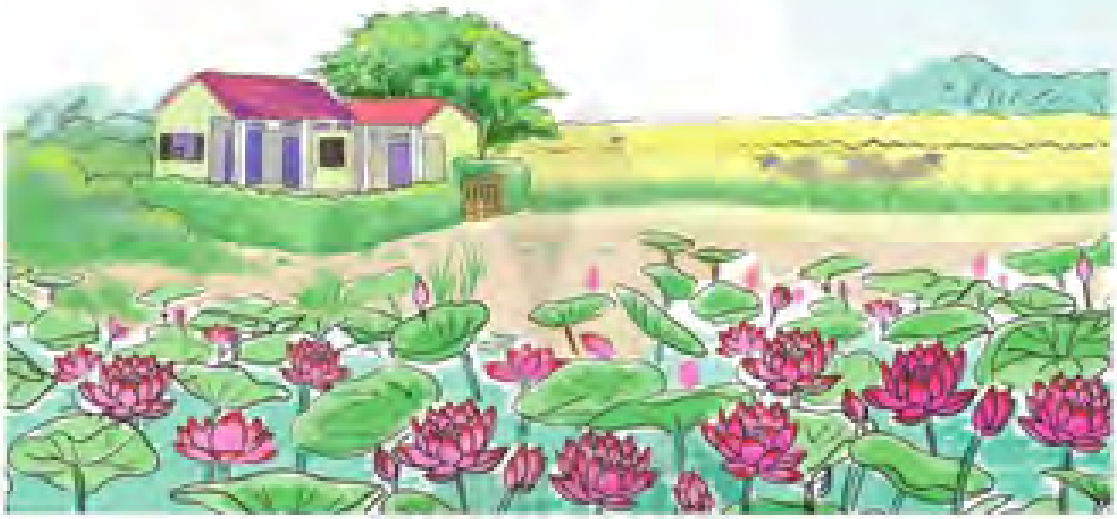

? Ý nào đúng?

a) Gần nhà Ngân có hồ cá đẹp lắm.

b) Mùa hè, sen nở kín hồ.

4. Tập viết

im đèn nim it quả mít

iên iêt

1. Làm quen

cô **tiên**

Việt Nam

2. Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình

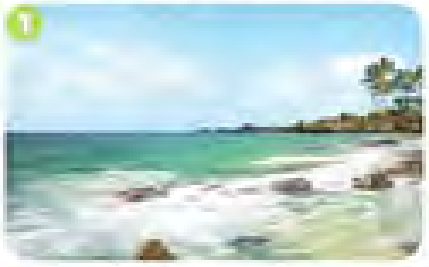

viết

đèn điện

biệt thự

biển

kiến

viên phấn

in it iên iêt

3. Tập đọc

Tiết tập viết

Lớp Hà có tiết tập viết. Hà viết rất cẩn thận. Thế mà bạn Kiên xô bàn làm chữ "biển" của Hà xiên đi. Hà nhăn mặt. Kiên thì thầm: "Tớ lỡ mà.".

Hà chả giận bạn. Em viết thêm chữ "biển" thật đẹp. Cô nhìn chữ em, khen: "Chữ Hà đẹp lắm!".

Những ý nào đúng?

a) Hà viết chữ xiên vì chưa cẩn thận.

b) Hà viết chữ xiên vì Kiên lỡ xô bàn.

c) Cô khen chữ Hà đẹp.

4. Tập viết

iên cô tiên iêt viết

Bài 66

yên yêt

1. Làm quen

yên ngựa

Nam **Yết**

2. Tìm tiếng có vần **yên**, tiếng có vần **yêt**

1

yên xe

niêm yết

2

3

chim yến

yết kiến

4

3. Ghi nhớ

Âm đầu	Vần	Tiếng
t	iên	tiên
	yên	yến

Âm đầu	Vần	Tiếng
b	iêt	biết
	yêt	yết

in it iên iêt yên yêt

4. Tập đọc

Nam Yết của em

Nam Yết nằm giữa biển, như nét chấm nhỏ trên bản đồ Việt Nam.

Từ xưa, Việt Nam đã làm chủ Nam Yết.

Nam Yết có nhà cửa, có đèn biển.

Chiến sĩ ở đó như ở nhà.

Nam Yết là bộ phận của cơ thể Việt Nam.

? Nói điều em biết về đảo Nam Yết qua một tấm ảnh

M Ảnh 1

a) Nam Yết nằm giữa biển.

b) Nam Yết như nét chấm nhỏ trên bản đồ Việt Nam.

5. Tập viết

yên yên ngựa yết yết kiêu

Bài 67 on ot

1. Làm quen

mẹ con

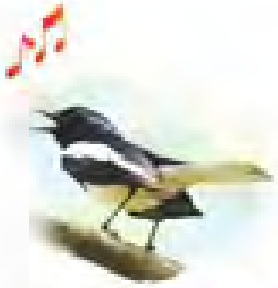

chim hót

2. Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình

1

2

3

nón lá quả nhót rót trà sọt cá ném còn

4

5

in it iên iêt yên yêt on ot

3. Tập đọc

Mẹ con cá rô (1)

Rô mẹ đi kiếm ăn, dặn con:

– Con ở nhà, chớ đi xa nhé.

Rô con "dạ" rõ to.

Mẹ vừa đi, rô con liền tót ra ngõ. Nó rủ cá cờ lên bờ xem ở đó có gì lạ. Cá cờ can:

– Mẹ bạn dặn chớ đi xa mà.

Rô con đáp:

– Bờ hồ gần lắm.

DIỆU ANH kể

a) Ý nào đúng?

Rô mẹ vừa đi:

- Rô con đã rủ cá cờ lên bờ.
- Cá cờ đã rủ rô con đi xa.

b) Lê ra trước khi đi chơi, rô con phải xin phép mẹ thế nào?

4. Tập viết

Bài 68 Mây đen và mây trắng

NGUYỄN VĂN THẮNG

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

Mây trắng nói gì với mây đen?

Mây đen lặng im vì còn mải nghĩ điều gì?

Vì sao mây đen cứ khóc?

Nước mắt của mây đen mang lại điều gì cho cánh đồng và cả cây, hoa lá?

Vì sao mây trắng xấu hổ, tự trách mình?

Bài 69 Ôn tập

1. Ghép các âm dưới đây thành vần

	n	t
i		
iê	M iên	

	n	t
yê		
o		

2. Tập đọc

Mẹ con cá rô (2)

Rô con vọt lên bờ. Chả ngờ, bờ hồ khô cạn, nó nằm thở.

Chị gió nghe rô than thở, bèn đi tìm thần mưa. Thần mưa phất cờ. Mưa to đổ về, tràn qua bờ hồ. Rô con vọt về nhà. Nó xin mẹ tha thứ.

DIỆU ANH kể

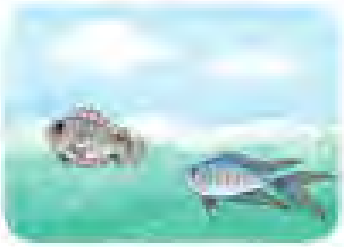

a) Ý nào đúng?

Khi rô con gặp nạn:

- Cá cờ giúp rô con.
- Chị gió, thần mưa giúp rô con.

b) Nói lời rô con xin lỗi mẹ.

3. Tập chép

Rô con vọt về nhà, gặp mẹ.

ôn ôt

1. Làm quen

thôn xóm

cột cờ

2. Tiếng nào có vần **ôn**? Tiếng nào có vần **ôt**?

1

cà rốt

2

đôn

3

lá lốt

4

chồn

5

thốt nốt

6

trốn tìm

ôn ôt

3. Tập đọc

Nụ hôn của mẹ

Chi bị sốt. Mẹ đưa bé lên trạm y tế. Cô y tá tiêm cho Chi. Chi vẫn nằm thiêm thiếp. Mẹ hôn lên trán Chi. Nụ hôn của mẹ thật ấm áp. Chi từ từ mở mắt, thì thầm:

– Mẹ à, con chả ốm nữa.

Mẹ sờ trán Chi. Bé đã hạ sốt.

LÊ CHÂU

Cánh Diều

? Ghép đúng

a) Nụ hôn của mẹ	1) thật ấm áp.
b) Trạm y tế	2) đã hạ sốt.
c) Bé Chi	

4. Tập viết

ôm thôn xóm ôt cột cờ

Bài 71

ơn ơt

1. Làm quen

sơn ca

vợt

2. Tìm tiếng có vần **ơn**, tiếng có vần **ơt**

lợn

thớt

sơn nhà

cá thàn bơn

ớt

cơn mưa

ôn ôt ơn ơt

3. Tập đọc

Sơn và Hà

Giờ kiểm tra. Sơn vừa chép đề vừa lẩm nhẩm: "Giỏ có 8 con cá thòn bơn. Cho bớt 5 con, còn 4.". Hà thì thầm: "Còn 3 chứ?".

Cô Yến đến bên Hà:

– Hà để bạn tự làm đi.

Hà lễ phép:

– Dạ.

Sơn ngẫm nghĩ. Em chợt nghĩ ra và nắn nót viết: "8 – 5 = 3".

NGUYỄN LY

? Ý nào đúng?

Cô Yến đề nghị Hà:

a) Để bạn Sơn tự làm.

b) Giúp bạn Sơn.

4. Tập viết

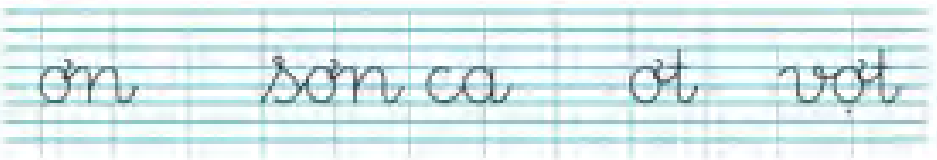

Bài 72 un ut ưt

1. Làm quen

phun

bút

mứt

2. Tiếng nào có vần **un**? Tiếng nào có vần **ut**? Tiếng nào có vần **ưt**?

chim cút

râm bụt

nứt nẻ

chú lùn

ấm sứt

cún con

ôn ôt ơn ơt un ut ưt

3. Tập đọc

Làm mứt

Thỏ rủ cún làm mứt cà rốt.

Cún đun bếp, lửa ngùn ngụt. Thỏ la:

– Lửa to quá! Rút bớt lửa đi!

– Bạn la to làm tớ sợ quá. – Cún phàn nàn.

Thỏ nhỏ nhẹ:

– Làm mứt cần nhỏ lửa, cún à.

– Thế à? Cảm ơn thỏ nhé.

LÊ CHÂU

? Ghép đúng

a) Thỏ rủ cún	1) đun bếp, lửa ngùn ngụt.
b) Cún	2) cần nhỏ lửa.
c) Làm mứt	3) làm mứt cà rốt.

4. Tập viết

um phun ut bút ut mứt

Bài T3

uôn uôt

1. Làm quen

chuồn chuồn

chuột

2. Tiếng nào có vần **uôn**? Tiếng nào có vần **uôt**?

cá chuồn

vuốt nhọn

cuộn chỉ

tuốt lúa

buồn bã

ôn ôt an at un ut ưt uôn uôt

3. Tập đọc

Chuột út (1)

Mẹ bận làm bếp. Chuột út buồn, lũn cũn đi ra sân.

Đến trưa, về nhà, nó ôm mẹ, kể:

– Mẹ ạ, trên sân có một con thú dữ lắm. Mũ nó đỏ, mỏ nhọn, mắt thô lố. Nó quát rõ to. Con sợ quá.

Chuột mẹ đáp:

– Con thú đó rất hiền. Nó chỉ muốn đùa con.

Theo LÉP TÔN-XTÔI

Đố em: Con thú "dữ" chuột út gặp là con gì?

4. Tập viết

uôn chuồn uột chuột

Bài 74 Thần gió và Mặt Trời

Ngụ ngôn Ê-dốp

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

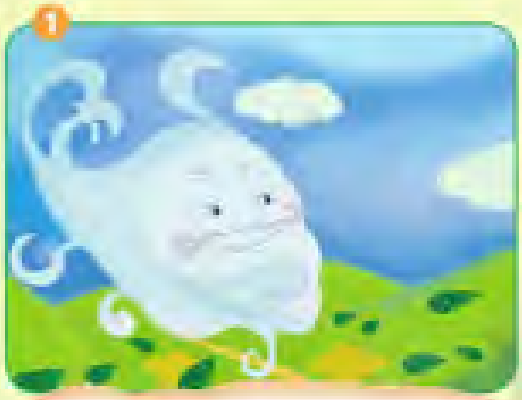

Vì sao thần gió kiêu ngạo?

Thần gió nói gì với Mặt Trời? Mặt Trời trả lời ra sao?

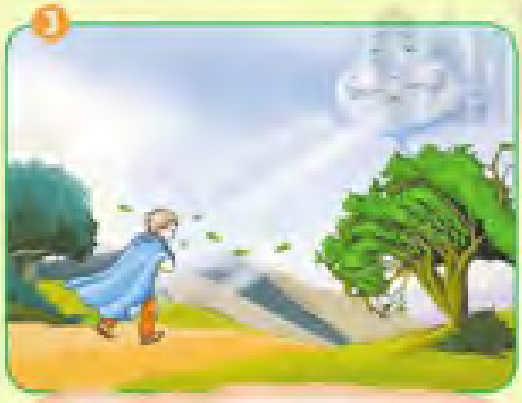

Thần gió đương oai, kết quả thế nào?

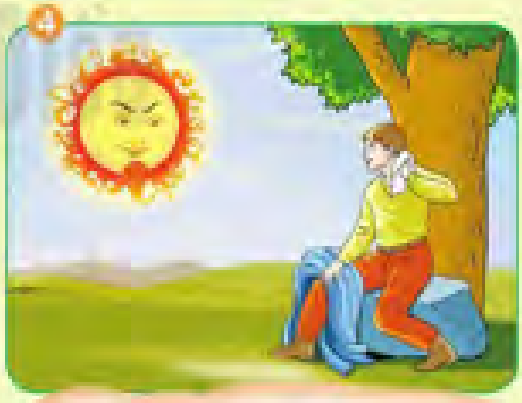

Mặt Trời thử sức, kết quả ra sao?

Bài 75 Ôn tập

1. Tập đọc

Chuột út (2)

Chuột út hớn hở kể tiếp:

– Con còn gặp một con thú rất hiền. Nó nằm thu lu trên sân. Nó luôn liếm chân, liếm cổ và nhìn con rất thân thiện.

Chuột mẹ la lớn:

– Đó là kẻ thù của nhà chuột. Con mà đến gần, nó sẽ ăn thịt con đó.

Theo LÉP TÔN-XTÔI

? Đố em: Con thú "hiền" chuột út gặp là con gì?

2. Tập chép

Chuột kể về con thú nó gặp.

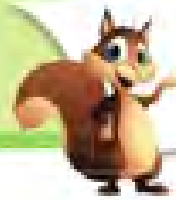

ươn ươt

1. Làm quen

con lươn

lướt ván

2. Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng

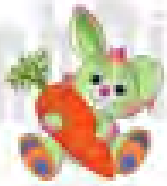

vượn trượt vượt mượt vườn

ươn ươt

3. Tập đọc

Lướt ván

Cún, thỏ và vượn ra biển.

Biển đẹp quá. Trên bờ, lũ chuột trượt ván, nô đùa ầm ĩ.

Trên mặt biển, bọn cá chuồn hăm hở lướt đi. Đến lượt cún, nó lướt như múa lượn. Vượn chưa dám ra xa. Thỏ sợ ướt, ở trên bờ cổ vũ.

Gần trưa, ba bạn về nhà. Ra biển thú vị thật!

HẢI LÊ

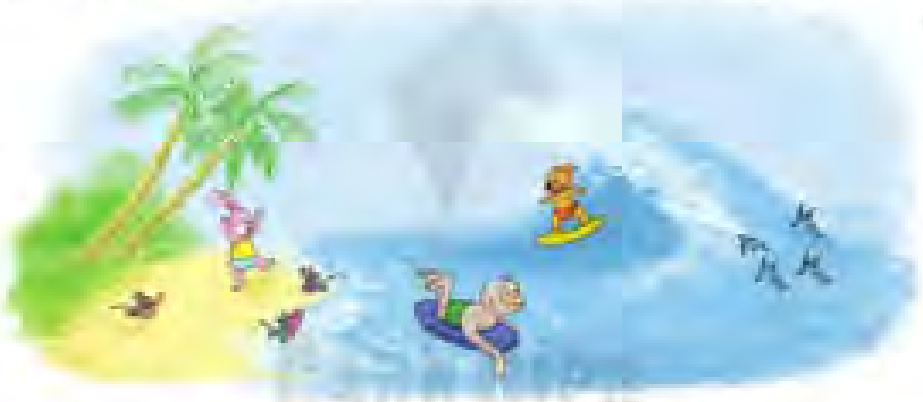

Ghép đúng

a) Cún	1) sợ ướt, ở trên bờ.
b) Vượn	2) chưa dám ra xa.
c) Thỏ	3) lướt như múa lượn.

4. Tập viết

vườn lượn ướt lướt ván

ang ac

1. Làm quen

thang

vạc

2. Tiếng nào có vần **ang**? Tiếng nào có vần **ac**?

bác sĩ

cá vàng

con hạc

dưa gang

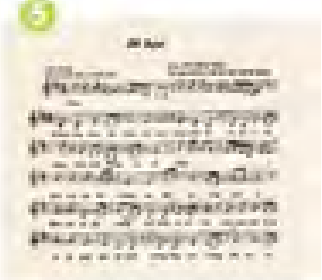

bản nhạc

chở hàng

uan uat ang ac

3. Tập đọc

Nàng tiên cá

Nàng tiên cá là con vua biển. Nửa thân trên của nàng như một cô bé. Nửa thân kia là cá. Nhờ thế, nàng lướt trên biển rất nhẹ nhàng.

Nàng tiên cá có tất cả các thứ nàng muốn. Nàng chỉ chưa biết đất liền. Đêm đêm, nàng ngân nga hát. Dân đi biển nghe nàng hát, quên cả mệt, cả buồn.

Phỏng theo AN-ĐEC-XEN
(Nguyễn Minh kể)

Ghép đúng

a) Nàng tiên cá	1) nghe hát, quên cả mệt, cả buồn.
b) Dân đi biển	2) ngân nga hát.

4. Tập viết

ang thang ac vac

Bài 78

ăng ăc

1. Làm quen

măng

tắc kè

2. Tiếng nào có vần **ăng**? Tiếng nào có vần **ăc**?

răng

xắc

găng

tia nắng

quả lắc

sáng vằng vặc

uơn uơt ang ac ăng ăc

3. Tập đọc

Cá măng lạc mẹ (1)

Ở biển lớn, có một chú cá măng nhỏ. Sáng sáng, mẹ dẫn chú đi kiếm ăn.

Một hôm mưa to gió lớn, cá măng lạc mẹ. Cá măng lo lắng lắm. Chú đang cố tìm mẹ thì từ đằng xa, chợt hiện ra một con cá mập. Mồm cá mập há to, răng sắc nhọn, lởm chởm.

MINH CHÂU

Cánh Diều

? Những ý nào đúng?

a) Một hôm mưa gió, cá măng lạc mẹ.

b) Cá măng tự ý đi xa nên lạc mẹ.

c) Cá măng chợt gặp cá mập.

4. Tập viết

ăng măng ăc tắc kè

âng âc

1. Làm quen

nhà tầng

quả gấc

2. Tiếng nào có vần **âng**? Tiếng nào có vần **âc**?

bậc thang

vầng trăng

ngẩng lên

nhấc lên

uơn uơt ang ac ăng ăc âng âc

3. Tập đọc

Cá măng lạc mẹ (2)

Cá mập áp sát cá măng. Cá măng bèn nhỏ lên, bám chặt thân trên cá mập.

Tự nhiên mất hút cá măng, cá mập ngớ ra: "Ta đã ăn nó chưa nhỉ?".

Cá măng bỏ cá mập, tìm về nhà. Chợt mẹ nó vụt đến như một giấc mơ. Nó áp sát mẹ, cảm giác lâng lâng khó tả.

MINH CHÂU

Nối tiếp từ còn thiếu để hoàn thành sơ đồ tóm tắt truyện

4. Tập viết

ông nhà tầng ốc quả gấc

Bài 80

Hàng xóm

Theo *365 chuyện kể trước giờ đi ngủ*

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

1

Chuyện gì xảy ra ở nhà chồn?

2

Vì sao chim sẻ biết chuyện đó?

3

Sẻ đã báo tin cho ai?
Bác ấy đã làm gì?

4

Sẻ còn báo tin cho ai nữa?
Cô ấy đã làm gì?

5

Nhận được tin của sẻ,
chuột túi đã làm gì?

6

Chồn mẹ nói gì trước
sự giúp đỡ của mọi người?

Bài 81 Ôn tập

1. Ghép các âm dưới đây thành vần:

	ng	c
a		
ă		
â		

2. Tập đọc:

Bỏ nghề

Có bác thợ săn gặp một con vượn mẹ đang cho con bú. Bác rút tên, ngắm. Vượn mẹ chợt ngẩng lên. Nó nhìn bác, mặt đờ ra.

Bác thợ săn nghĩ: "Ta bắn nó, con nó sẽ chết.". Thế là bác bỏ đi. Từ đó, bác bỏ nghề săn bắn.

Phỏng theo LÉP TÔN-XTÔI (Hoàng Nam kể)

Ý nào đúng?

Bác thợ săn bỏ đi vì:

a) Vượn mẹ đã nhận ra bác.

b) Chẳng nỡ giết mẹ con vượn.

3. Tìm chữ phù hợp với ô trống (**g** hay **gh**) rồi chép lại câu sau:

Vượn mẹ ■ập bác thợ săn, ôm ■ì vượn con.

Bài 82

eng ec

1. Làm quen

xà beng **béc giê**

2. Tiếng nào có vần **eng**? Tiếng nào có vần **ec**?

lợn eng éc

xẻng

gõ kẻng

xe téc chở xăng

xe điện leng keng

eng ec

3. Tập đọc

Xe rác

Sáng sáng, xe rác lặng lẽ đi làm. Nó về khi tất cả đã ngon giấc. Xe điện, xe téc cằn nhằn: "Bẩn quá!".

Một đêm mưa to, phố xá ngập rác. Xe điện, xe téc lo lắng nhìn.

Thế mà sáng sớm, phố xá đã hết rác. Nhìn xe rác bon bon chở rác, xe téc hớn hở, xe điện leng keng: "Cảm ơn bạn nhé!".

NGUYỄN LY

Sắp xếp các ý theo đúng nội dung truyện

1	Xe điện, xe téc chê xe rác bẩn.
	Xe rác chở rác đi.
	Một đêm mưa to, phố xá ngập rác.
4	Xe điện, xe téc cảm ơn xe rác.

4. Tập viết

eng xà beng ec xe téc

Bài 83 iêng yêng iêc

1. Làm quen

gõ chiêng

yểng

xiếc

2. Tiếng nào có vần **iêng**? Tiếng nào có vần **iêc**?

diệc

củ riềng

cá diếc

khiêng

tiệc

giếng

eng ec iêng yêng iêc

3. Tập đọc

Cô xẻng siêng năng

Cô xẻng làm việc rất siêng năng. Có lần, chị gió hăm hở dọn đỡ cô. Chả ngờ, gió làm rác văng khắp chốn. Chị gió buồn lắm.

Nhìn chị gió ủ rũ, cô xẻng nhẹ nhàng:

– Chị chớ buồn. Chị luôn giúp nhà nhà mát mẻ mà.

Chú yểng nghe thế thì lem lém:

– Em siêng năng, chị chăm chỉ.

HOÀNG NGUYÊN

Ghép đúng

a) Cô xẻng	1) khen cô xẻng và chị gió.
b) Chị gió	2) rất siêng năng.
c) Chú yểng	3) giúp nhà nhà mát mẻ.

4. Tập viết

iêng chiêng yểng iêc xiết

Bài 84 ong oc

1. Làm quen

bóng

sóc

2. Tiếng nào có vần **ong**? Tiếng nào có vần **oc**?

1

cóc

2

chong chóng

3

ong

4

đọc

5

hạt ngọc

6

võng

eng ec iêng yêng iêc ong oc

3. Tập đọc

Đi học

Sóc, nhím và thỏ ngọc
Học lớp cô sơn ca
Bác ngựa đón từ nhà
Đưa cả ba đi học.

Vó ngựa va lóc cóc
Xe cứ lăn bon bon
Chim chóc liệng vòng tròn
Hát ca vang rộn rã.

Đi học lắm sự lạ
Cha mẹ vẫn chờ mong
Ba bạn hứa trong lòng
Học tập thật chăm chỉ.

HÀ LÊ

? Nối lại các câu sau cho đủ ý

a) Sóc, nhím và thỏ học lớp...

b) ... đưa cả ba bạn đi học.

c) Ba bạn hứa học tập...

4. Tập viết

ong bóng oc sóc

ông ôc

1. Làm quen

dòng sông

gốc đa

2. Tiếng nào có vần **ông**? Tiếng nào có vần **ôc**?

thông

cốc

đồng lúa

thợ mộc

ốc

ngỗng

eng ec iêng yêng iêc ong oc ông ôc

3. Tập đọc

Quạ và công

Xưa kia, quạ và công trắng muốt. Một hôm, quạ rủ công làm đẹp.

Quạ trang điểm cho công. Xong, nó nhìn công, gật gù:

– Đẹp quá! Giờ đến lượt tớ.

Chợt có tiếng lọn "eng éc". Làng bên có cỗ. Quạ sốt ruột. Nó dốc hết lọ bột đen đã pha lên thân. Từ đó, quạ đen như than.

Truyện dân gian Việt Nam (An Khuê kể)

Ghép đúng

a) Bộ lông của công đẹp	1) là do quạ dốc hết lọ bột đen lên thân.
b) Bộ lông của quạ đen	2) là nhờ quạ trang điểm cho.

4. Tập viết

ông dòng sông ốc gốc đa

Bài 86

Cô bé và con gấu

Truyện dân gian Nga

1. Nghe kể chuyện
2. Trả lời câu hỏi

Bố mẹ đi vắng, cô bé ở nhà một mình làm gì?

Điều gì bất ngờ xảy ra? Thái độ của cô bé lúc đó ra sao?

Vì sao sau đó cô bé đã sợ?

Cô bé đã làm gì để giúp gấu?

Khi bố mẹ về, nghe cô bé kể lại mọi chuyện, thái độ của họ ra sao?

Gấu đã làm gì để tỏ lòng biết ơn cô bé?

Bài 87 Ôn tập

1. Tập đọc

Con yểng

Ông ở quê ra, tặng Long một con yểng đẹp lắm. Lông nó đen biếc, mỏ đỏ, cổ có sọc vàng. Yểng biết hót "Ông ạ!", khiến Long mê tít.

Long muốn yểng hót: "Long à!". Chín hôm liền, cứ học xong là Long đến bên lồng yểng, thủ thỉ: "Long à!". Thế là yểng bỗng cất tiếng: "Long à!".

? Chọn dấu câu (**dấu chấm** hoặc **dấu chấm hỏi**) phù hợp với ô trống

a) Ông tặng Long một con yểng rất đẹp ■

b) Long muốn con yểng làm gì ■

2. Nghe – viết

Lông yểng đen biếc, cổ có sọc vàng.

Bài 88

ung uc

1. Làm quen

sung

cúc

2. Tiếng nào có vần **ung**? Tiếng nào có vần **uc**?

thùng rác

bông súng

cá nục

khóm trúc

xúc đất

ung uc

3. Tập đọc

Gà mẹ, gà con

Sáng sớm, gà mẹ dẫn đàn con ra vườn kiếm ăn. Bất chợt mưa to, gió lớn. Đàn gà con rét run. Gà mẹ liền ôm các con, ấp ủ chúng. Rúc trong lòng mẹ, đàn gà con cùng chiêm chiếp: "Mẹ ấm quá! Ấm quá!".

Ghép đúng

a) Đàn gà con	1) liền ôm các con, ấp ủ chúng.
b) Gà mẹ	2) rét run.

4. Tập viết

ung sung uc cúc

ưng ưc

1. Làm quen

lưng

cá mực

2. Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình

gừng

chim ưng

trứng

thúc đêm

rừng

lực sĩ

ưng ưc ưng ưc

3. Tập đọc

Sáng sớm trên biển

Sáng sớm, biển thật là đẹp! Từ phía xa tít tắp, một vầng hồng từ từ nhô lên. Mặt biển ửng hồng. Từng lớp sóng nhấp nhô. Những tia nắng sớm nô đùa trên sóng. Nắng lên dần. Mặt biển sáng rực.

Nối tiếp để hoàn thành câu

a) Khi vầng hồng nhô lên, mặt biển...

b) Những tia nắng sớm...

4. Tập viết

ửng lửng ức cá mực

Bài 90 uông uôc

1. Làm quen

chuông

đuốc

2. Xếp hoa vào hai nhóm

uông

xuống

thuốc

guốc

luống

buống

buộc

uôc

ung uc ưng ưc uông uôc

3. Tập đọc

Con công lẩn thẩn

Công cho rằng nó đẹp nhất trần gian.

Một hôm, công vẫn ngục đến bên hồ. Nó bỗng nhận ra trong hồ có một con công khác.

Nó bèn sà xuống hồ để so sắc đẹp. Nhưng nó vừa xuống, con công kia đã biến mất. Công ngụp lặn tìm. Nó ướt nhẹp, run cầm cập.

Chim cuốc nhìn công, gật gù: "Đẹp mà chẳng khôn!".

Phỏng theo truyện nước ngoài (Hoàng Nam kể)

Ý nào đúng?

a) Con công trong hồ là một con công khác.

b) Con công trong hồ là bóng của con công trên bờ.

4. Tập viết

uông chuông uốc duốc

Bài 91

ương ươc

1. Làm quen

gương

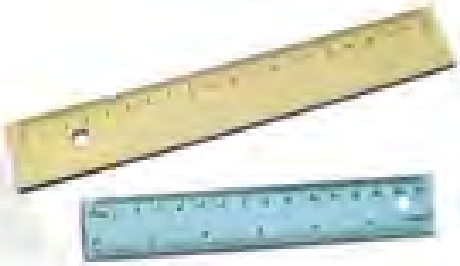

thước

2. Tiếng nào có vần **ương**? Tiếng nào có vần **ươc**?

lược

thược dược

giọt sương

giường

rước đèn

sân trường

ung uc ưng ưc uông uôc ương ươc

3. Tập đọc

Hạt giống nhỏ

Một hạt giống nhỏ nằm lặng lẽ bên đường. Bé nhặt được, đem về thả xuống góc vườn.

Chỉ ít hôm, mầm non đã vươn lên, uống những giọt sương sớm. Lá non khẽ rung rung. Dường như lá muốn cảm ơn bé.

Ghép đúng

a) Mầm non	1) khẽ rung rung.
b) Lá non	2) đã vươn lên.

4. Tập viết

ương gương ươc thước

Bài 92 Ông lão và sếu nhỏ

LÊ CHÂU

1. Nghe kể chuyện

2. Trả lời câu hỏi

Điều gì xảy ra khi ông lão đi vào rừng?

Khi thấy ông lão, mấy con sếu như thế nào?

Ông lão làm gì để giúp sếu nhỏ? Sếu bố, sếu mẹ làm gì?

Khi vết thương của sếu nhỏ đã lành, ông lão làm gì?

Gia đình sếu đã làm gì để cảm ơn ông lão?

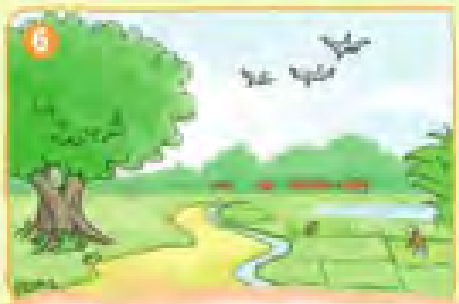

Ông lão ước điều gì? Điều gì đã xảy ra?

Bài 93 Ôn tập

1. Tập đọc

Ông bà em

Ông bà em rất thương em. Sáng sáng, ông đưa em đến trường. Hết giờ học, ông đón em về. Khi em về đến nhà, bà pha nước để ông bà và em cùng uống. Em uống nước và kể cho ông bà nghe về các bạn ở trường.

? Ghép đúng

a) Ông	1) kể cho ông bà nghe về các bạn.
b) Bà	2) đưa em đến trường, đón em về.
c) Em	3) pha nước để ông bà và em cùng uống.

2. Tập chép

Sáng sáng, ông đưa em đến trường.

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Luyện tập

1. Đố em: Mỗi toa tàu dưới đây chở gì?

M Toa 1 (uốc): thuốc. Toa 2: ■ Toa 3: ■ Toa 4: ■ Toa 5: ■

2. Tập đọc

Chú bé trên cung trăng

Những đêm trăng, bà thường chỉ cho Bi ba bóng đen mờ trên Mặt Trăng. Trông chúng giống một gốc đa, một con nghé và một chú bé.

Bà kể: Xưa kia chú bé ở trần gian. Một cơn gió đã cuốn chú cùng gốc đa và nghé lên cung trăng. Trên đó, chú rất buồn vì nhà nhà. Nhưng mặt đất quá xa. Chú bé không về được nữa.

NGUYỄN HOÀNG

3. Em chọn chữ nào: **ng** hay **ngh**?

■ê

■e

■ỗng

4. Tập chép

Chú bé trên cung trăng rất nhà nhà.

Đánh giá

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG

Mỗi học sinh đọc một đoạn khoảng 35 - 40 tiếng

Một trí khôn hơn trăm trí khôn

1 Tỏ vẻ

Chồn và gà rừng là bạn thân nhưng chồn vẫn ngấm xem thường gà. Một hôm, chồn tỏ vẻ:

– Gà ơ, bạn có trí khôn chứ?

– Chỉ có tí tẹo. – Gà đáp.

Chồn ra vẻ:

– Tớ thì có cả trăm trí khôn cơ.

2 Bất ngờ

Vừa lúc đó, một bác nông dân cầm liềm đi qua.

Chồn và gà cuống cuống bỏ trốn. Chúng nấp trong đám cỏ rậm. Bác nông dân len giữa đám cỏ, đe: "Ta đã nhìn rõ bọn mi. Cứ nằm yên đó nhé!".

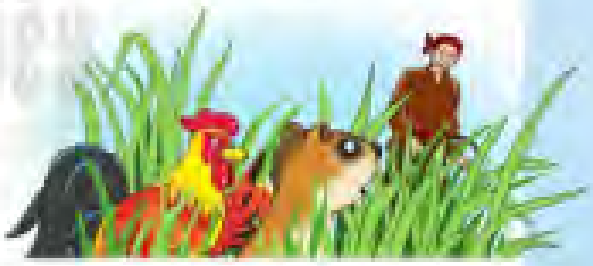

3 Trí khôn của gà

Chồn và gà nghe thế thì ớn quá. Gà giục chồn: "Bạn nghĩ kế gì đi!". Chồn chả nghĩ ra kế gì. Nó nhờ gà nghĩ giúp. Gà thấm thì: "Bạn cứ yên trí làm thế, làm thế...".

Mắc lừa

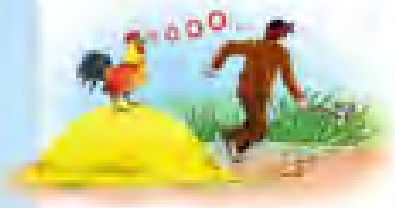

Bác nông dân tóm được gà trong đám cỏ. Gà giả vờ ủ rũ. Bác ta bỏ gà trên cỏ để về chốn. Gà vù lên đống rơm, vươn cổ: "Ò ó o o...". Bác liền bỏ chốn để về gà. Chỉ chờ thế, chồn co giò biến mất.

Cảm phục

Chồn về đến nhà, vừa sợ, vừa thẹn, vừa cảm phục gà. Chồn đến tìm gà. Nó ân hận:

– Gà à, tí ti trí khôn của bạn còn hơn cả trăm trí khôn của tớ. Cảm ơn bạn nhé!

Từ hôm đó, chồn tin và quý gà hơn.

Phỏng theo *Truyện đọc 1*, 1994 (Hoàng Sơn kể)

II. ĐỌC HIỂU, VIẾT

(Bài luyện tập)

A ĐỌC

1. Nối từ ngữ với hình

bông sen

quả mướp

bếp lửa

thiên nga

tập võ

gương

2. Đọc thầm

Thần ru ngủ

Đêm đến, khi đám trẻ tụ tập bên bàn thì thần ru ngủ rón rén bước đến. Thần hé cửa, phả một làn gió nhẹ. Thế là bọn trẻ buồn ngủ rũ.

Khi bọn trẻ ngủ, thần che chiếc ô có bức vẽ đẹp cho những đứa trẻ dễ thương. Các bé sẽ có giấc mơ đẹp. Đứa trẻ hư chẳng mơ gì vì chiếc ô che cho chúng không vẽ gì.

Theo AN-ĐÉC-XEN (Hạnh Mai kể)

? Khoanh tròn chữ cái trước ý đúng

a) Thần ru ngủ giúp đứa bé dễ thương có giấc mơ đẹp.

b) Thần làm cho đứa bé hư chẳng ngủ được.

B VIẾT

1. Điền chữ **c** hoặc **k**

_iến

_ìm

_ông

2. Tập chép

Đứa trẻ dễ thương có giấc mơ đẹp.

BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
âm	6, 7, 12, 13, 16, 19, 21, 22, 24, 26, 28, 31, 36, 38, 41, 52, 54, 56, 81, 126, 145	nghe – viết	91, 115, 155
câu	64, 67, 108, 145, 151, 157	ôn tập	21, 31, 41, 51, 61, 71, 91, 92, 108, 115, 125, 135, 145, 155, 165, 166
chữ	7, 13, 41, 49, 51, 55, 64, 92, 95, 145, 166, 169	tập chép	51, 61, 71, 81, 92, 95, 125, 135, 165, 166, 169
chữ hoa	64, 65	tập đọc	15, 17, 19, 21, 23, 27, 29, 31, 33, 35, 37, 39, 41, 43, 45, 47, 49, 51, 53, 55, 57, 59, 61, 63, 64, 67...
chữ in	65	tập viết	7, 9, 13, 15, 17, 19, 23, 27, 29, 33, 35, 37, 39, 43, 45, 47, 49, 53, 55, 57, 59, 63, 67, 69, 73, 75, 77...
chữ thường	65	thanh	8, 9, 14, 15, 21, 25
chữ viết	65	thanh hỏi	14
dấu câu	155	thanh huyền	8
dấu chấm	155	thanh nặng	15
dấu chấm hỏi	155	thanh ngã	25
danh văn	6, 8, 65	thanh sắc	9
đoạn	167	tiếng	6, 7, 8, 9, 12 - 19, 21, 22, 24, 25, 26, 28, 31, 32, 34, 36, 38, 41, 42, 44, 46, 48, 52, 54, 56, 58, 66, 68...
đọc hiểu	94, 168	từ	21, 31, 143
đọc thầm	95, 169	từ ngữ	62, 67, 94, 106, 107, 118, 122, 156, 168
kể chuyện	2, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, 104, 114, 124, 134, 144, 154, 164	văn	66, 68, 71, 72, 74, 78, 81, 82, 84, 86, 88, 92, 96, 98, 102, 106, 112, 120, 125, 126, 128, 130...

MỤC LỤC

Chào các em
Kí hiệu dùng trong sách
Bảng chữ cái

Bài	Trang
HỌC VẦN	
Mở đầu	4
1. a - c	6
2. cà - cá	8
3. Kể chuyện *Hai con dê*	10
4. o - ô	12
5. cá - cọ	14
6. a - d	16
7. đ - e	18
8. Kể chuyện *Chăn con đi học*	20
9. **Ôn tập**	21
10. ê - l	22
11. b - bế	24
12. g - h	26
13. i - ia	28
14. Kể chuyện *Hai chú gà con*	30
15. **Ôn tập**	31
16. gh	32
17. gi - k	34
18. kh - m	36
19. n - nh	38
20. Kể chuyện *Đôi bạn*	40
21. **Ôn tập**	41
22. ng - ngh	42
23. p - ph	44
24. qu - r	46
25. s - x	48
26. Kể chuyện *Kiến và bồ câu*	50
27. **Ôn tập**	51
28. t - th	52
29. tr - ch	54
30. u - ư	56
31. ua - ưa	58
32. Kể chuyện *Dế con nghe lời mẹ*	60
33. **Ôn tập**	61
34. v - y	62
35. Chữ hoa	64
36. am - ap	66
37. ăm - ăp	68
38. Kể chuyện *Chú thỏ thông minh*	70
39. **Ôn tập**	71
40. âm - ấp	72
41. em - ep	74
42. êm - ếp	76
43. im - ip	78
44. Kể chuyện *Ba chú lợn con*	80
45. **Ôn tập**	81
46. iêm - yêm - iếp	82

Bài	Trang
47. om - op	84
48. ôm - ôp	86
49. am - ap	88
50. Kể chuyện *Vịt và sơn ca*	90
51. **Ôn tập**	91
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I	92
52. um - up	96
53. uôm	98
54. uam - uap	100
55. an - at	102
56. Kể chuyện *Sói và sóc*	104
57. **Ôn tập**	105
58. ân - ât	106
59. ân - ât	108
60. en - et	110
61. ên - êt	112
62. Kể chuyện *Sư tử và chú thỏ nhất*	114
63. **Ôn tập**	115
64. in - it	116
65. iên - iêt	118
66. yên - yêt	120
67. on - ot	122
68. Kể chuyện *Mây đen và mây trắng*	124
69. **Ôn tập**	125
70. ôn - ôt	126

Bài	Trang
71. an - at	128
72. un - ut - ưt	130
73. uôn - uôt	132
74. Kể chuyện *Thần gió và Mặt trời*	134
75. **Ôn tập**	135
76. uan - uat	136
77. ang - ac	138
78. ăng - ăc	140
79. âng - âc	142
80. Kể chuyện *Hàng xóm*	144
81. **Ôn tập**	145
82. eng - ec	146
83. iêng - yêng - iêc	148
84. ong - oc	150
85. ông - ôc	152
86. Kể chuyện *Cô bé và con gấu*	154
87. **Ôn tập**	155
88. ung - uc	156
89. ưng - ưc	158
90. uông - uôc	160
91. ương - ươc	162
92. Kể chuyện *Ông lão và sếu nhỏ*	164
93. **Ôn tập**	165
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I	166
BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ	170

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38 301 303 - 39 381 382 - Fax: (028) 39 381 382
Email: nxb@hcmue.edu.vn
Website: http://nxb.hcmue.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc – Tổng biên tập
LÊ THANH HÀ

Biên tập
NGUYỄN PHƯỚC BẢO KHÔI – NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ
HOÀNG THÚY DUNG

Trình bày bìa
TRẦN TIỂU LÂM

Thiết kế sách
LƯƠNG QUỐC HIỆP

Minh họa
Họa sĩ: danh LƯƠNG QUỐC HIỆP

Sửa bản in
HOÀNG THÚY DUNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM
Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUT NGÔ TRẦN ÁI
Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà AZ Lâm Viên Complex, 107A Nguyễn Phong Sắc, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

TIẾNG VIỆT 1, tập một

Mã số: VHTV1010028
ISBN: 978-604-9879-25-6

In ..... khổ 19 x 26,5cm, tại .....
Địa chỉ: .....
Số xác nhận đăng kí xuất bản: .....
Quyết định xuất bản số: .....
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm 2020

Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống

Sách giáo khoa *Tiếng Việt 1* được biên soạn theo *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Sách dạy học sinh học đọc, học viết và phát triển các kĩ năng nghe, nói tiếng Việt; đồng thời dạy học sinh cách đọc hiểu các sáng tác văn học, văn bản thông tin phù hợp với lứa tuổi.

Nội dung và hình thức trình bày các bài học trong sách hấp dẫn, khơi gợi trí tò mò khoa học, phát huy tính tích cực, khả năng tự học, tự vận dụng những điều đã học vào cuộc sống và bồi dưỡng tình cảm, đạo đức, lối sống cho học sinh.

Tổng Chủ biên cuốn sách là GS.TS Nguyễn Minh Thuyết. Tác giả là những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm và tâm huyết trong giáo dục tiểu học.

SỬ DỤNG TEM CHỐNG GIẢ:

1. Dùng điện thoại quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập vào trang web: https://canhdieu.monkey.edu.vn
2. Vào mục hướng dẫn (canhdieu.monkey.edu.vn/huong-dan) để xem hướng dẫn kiểm tra sách giả và kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

ISBN: 978-604-309-214-1